

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI**  
**VIỆN KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN**



**TRẦN THỊ DUNG**  
**D09.30.09**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**ĐỀ TÀI**

**KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI**  
**CÔNG TY TNHH LOTUSS FASHION VIỆT NAM**

**GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN: Th.S Quách Thị Thu Hằng**

**NĂM 2024**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI**  
**VIỆN KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN**



**TRẦN THỊ DUNG**  
**D09.30.09**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**ĐỀ TÀI**

**KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI**  
**CÔNG TY TNHH LOTUSS FASHION VIỆT NAM**

**GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN: Th.S Quách Thị Thu Hằng**

**NĂM 2024**

## LỜI CAM ĐOAN

*Em xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng em, các số liệu, kết quả nêu trong khóa luận tốt nghiệp là trung thực xuất phát từ tình hình thực tế của đơn vị thực tập.*

*Nếu có gì sai sót em xin chịu hoàn toàn trách nhiệm*

*Hà Nội, Ngày 08 tháng 04 năm 2024*

*Tác giả khóa luận tốt nghiệp*

Trần Thị Dung

## MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU .....	1
1.1 Bối cảnh nghiên cứu .....	1
1.1.1 Sự cần thiết nghiên cứu của đề tài.....	1
1.1.2 Khái quát về Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam .....	1
1.1.3 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty .....	6
1.1.4 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của Công ty.....	7
1.1.5 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty .....	11
1.2 Lý do lựa chọn đề tài nghiên cứu.....	13
1.3 Mục tiêu nghiên cứu của đề tài .....	15
1.3.1 Mục tiêu tổng thể .....	15
1.3.2 Mục tiêu cụ thể .....	15
1.4.Nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài.....	15
1.5 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài .....	15
1.5.1 Đối tượng nghiên cứu .....	15
1.5.2 Phạm vi nghiên cứu .....	15
1.6 Phương pháp nghiên cứu của đề tài .....	16
CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP.....	17
2.1 Khái niệm và ý nghĩa của tiền lương và các khoản trích theo lương.....	17
2.1.1 Khái niệm về tiền lương .....	17
2.1.2 Ý nghĩa của tiền lương và các khoản trích theo lương.....	17
2.2 Các hình thức tiền lương và quỹ tiền lương.....	19

2.2.1 Các hình thức tiền lương .....	19
2.2.2 Quỹ tiền lương .....	25
2.3 Kế toán tiền lương .....	26
2.3.1 Kế toán chi tiết tiền lương .....	26
2.3.1.1 Hạch toán số lượng lao động .....	26
2.3.1.2 Hạch toán thời gian lao động.....	26
2.3.1.3 Hạch toán kết quả lao động .....	27
2.3.1.4 Hạch toán tiền lương cho người lao động .....	27
2.3.2 Kế toán tổng hợp tiền lương .....	28
2.3.2.1.Chứng từ sử dụng .....	28
2.3.2.2 Tài khoản sử dụng .....	28
2.3.2.3 Trình tự hạch toán.....	29
2.4 Quỹ BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ .....	30
2.4.1 Quỹ BHXH .....	30
2.4.2 Quỹ BHYT .....	31
2.4.3 Quỹ BHTN .....	31
2.4.4 Quỹ KPCĐ.....	32
2.5 Hạch toán các khoản trích theo lương .....	32
2.5.1 Chứng từ sử dụng.....	32
2.5.2 Tài khoản sử dụng .....	33
2.5.3. Trình tự hạch toán .....	34
2.6. Sổ kế toán sử dụng trong kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương .....	34

CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH LOTUSS FASHION VIỆT NAM.....	36
3.1. Đặc điểm lao động tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam.....	36
3.1.1. Đặc điểm về lao động.....	36
3.1.2. Đặc điểm về tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam .....	37
3.1.3. Hình thức và chế độ tiền lương tại Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam	37
3.1.4. Đặc điểm quỹ lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam .....	41
3.2. Thực trạng chứng từ và luân chuyển chứng từ tại Công ty. ....	43
3.2.1. Chứng từ hạch toán lao động .....	43
3.2.2. Chứng từ kế toán tiền lương.....	44
3.2.3. Chứng từ kế toán các khoản trích theo lương .....	44
3.3. Thực trạng kế toán tổng hợp tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty	45
3.3.1. Kế toán tổng hợp tiền lương.....	45
3.3.2. Kế toán tổng hợp các khoản trích theo lương .....	49
CHƯƠNG 4: PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ VÀ CÁC GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY LOTUSS FASHION VIỆT NAM .....	56
4.1 Một số nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán tại Công ty .....	56

4.2 Đánh giá về công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty .....	57
4.2.1 Ưu điểm .....	57
4.2.2 Nhược điểm .....	58
4.3 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty .....	59
CHƯƠNG 5: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....	60
5.1 Tóm tắt khóa luận tốt nghiệp .....	60
5.2 Kết luận .....	62
5.3 Kiến nghị .....	63
PHỤ LỤC .....	65

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BCTC	Báo cáo tài chính
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
BTC	Bộ tài chính
TT	Thông tư
DN	Doanh nghiệp
DT	Doanh thu
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
TC	Tài chính
TK	Tài khoản
KPCĐ	Kinh phí công đoàn



## **DANH MỤC SƠ ĐỒ BẢNG BIỂU**

Sơ đồ 1. 1: Sơ đồ bộ máy tổ chức .....	7
Sơ đồ 1. 2 : Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty .....	8
Sơ đồ 1. 3: Hệ thống kế toán trên máy của công ty .....	10
Sơ đồ 1. 4: Quy trình sản xuất kinh doanh tại Công ty.....	12
Sơ đồ 2. 1: Kế toán tổng hợp tiền lương và các khoản thanh toán với người lao động. .....	30
Sơ đồ 2. 2: Kế toán tổng hợp thanh toán BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ.....	34
Sơ đồ 3. 1 : Sơ đồ quy trình ghi sổ chi tiết kế toán tiền lương .....	46
Sơ đồ 3. 2 : Sơ đồ quy trình ghi sổ chi tiết kế toán các khoản trích theo lương .....	49
Biểu 3. 1: Bảng thanh toán tiền lương tháng 1/2024 .....	40
Biểu 3. 2: Bảng trích các khoản trích theo lương tháng 1/2024 .....	42
Biểu 3. 3 : Mẫu giấy ra viện .....	51
Biểu 3. 4: Trích mẫu 01B-HSB.....	52

## **CHƯƠNG 1: VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU**

### **1.1 Bối cảnh nghiên cứu**

#### ***1.1.1 Sự cần thiết nghiên cứu của đề tài***

Đối với người lao động, sức lao động mà họ bỏ ra để là để đạt được lợi ích cụ thể, đó là tiền công ( lương ) mà người sử dụng lao động họ sẽ trả. Vì vậy việc nghiên cứu tiền lương và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ) rất được mọi người quan tâm. Trước hết là họ muốn biết lương chính thức của của mình được hưởng bao nhiêu, họ được hưởng bao nhiêu cho BHXH, BHYT, KPCĐ và họ có trách nhiệm như thế nào với các quỹ đó. Sau đó là sự hiểu biết về lương và các khoản trích theo lương sẽ giúp họ đối chiếu với chính sách của nhà nước quy định về các khoản này, qua đó họ biết được người sử dụng lao động đã trích đúng, trích đủ cho họ quyền lợi này hay chưa. Cách tính lương của doanh nghiệp cũng giúp cán bộ công nhân viên thấy được quyền lợi của mình trong việc tăng năng suất lao động, từ đó thúc đẩy việc nâng cao chất lượng lao động của doanh nghiệp.

Còn đối với doanh nghiệp, việc nghiên cứu và tìm hiểu sâu về quá trình hạch toán lương tại doanh nghiệp giúp cán bộ quản lý hoàn thiện lại cho đúng, đủ, phù hợp với chính sách của Nhà nước, đồng thời qua đó cán bộ công nhân viên của doanh nghiệp được quan tâm đảm bảo về quyền lợi sẽ yên tâm hăng hái hơn trong lao động sản xuất. Hoàn thiện hạch toán lương còn giúp doanh nghiệp phân bổ chính xác chi phí nhân công vào giá thành sản phẩm tăng sức cạnh tranh của sản phẩm nhờ giá thành hợp lý. Mối quan hệ giữa chất lượng lao động (lương) và kết quả sản xuất kinh doanh được thể hiện chính xác trong hạch toán cũng giúp rất nhiều cho bộ máy quản lý doanh nghiệp trong việc đưa ra các quyết định chiến lược để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

#### ***1.1.2 Khái quát về Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam***

##### **Tổng quan về Công ty**

Tên Công ty : Công ty TNHH Lotuss fashion Việt Nam

Mã số thuế : 0109750917

Địa chỉ : Số 38, ngách 01, ngõ 129 phố Đại Linh, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Đại diện pháp luật : Ông Nguyễn Tùng Lâm

Ngày bắt đầu hoạt động : 22/09/2021

Vốn điều lệ : 500.000.000 đồng

Giấy phép đăng ký kinh doanh : Phụ lục 1

### **Quá trình phát triển**

Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam được thành lập từ cửa hàng kinh doanh quần áo Nguyễn Tùng Lâm. Khi bắt đầu khởi nghiệp kinh doanh với số vốn ít ỏi chỉ 100.000.000 đồng, ông Nguyễn Tùng Lâm đã mở một cửa hàng quần áo tại địa chỉ Phùng Khoang, Hà Nội với phương thức nhập hàng và bán lẻ thông qua cửa hàng và các trang mạng xã hội.

Sau 08 năm hoạt động theo phương thức cửa hàng, tệp khách hàng ngày càng lớn cùng với đó kinh nghiệm về ngành thời trang ngày càng dày dặn, Ông Nguyễn Tùng Lâm quyết định mở Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam với quyết tâm mở rộng thị trường kinh doanh chuyển từ mô hình bán lẻ sang bán bán buôn kết hợp bán lẻ.

Ngày 22/09/2021, Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam chính thức được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0109750917 do sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

### **Thuận lợi khó khăn**

Là một đơn vị mới bước vào ngành thời trang Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam có những bước đầu thuận lợi và khó khăn riêng. Về thuận lợi, giám đốc Công ty là người có kinh nghiệm kinh doanh trong nghề. Trước khi thành lập doanh nghiệp, ông Nguyễn Tùng Lâm đã từng mở cửa hàng quần áo nên có cái nhìn tổng quan về thị trường và có kinh nghiệm trong việc mở rộng thị trường, tìm kiếm nguồn

hàng cũng như khách hàng.. Bên cạnh đó, nguồn nhân lực trẻ, tâm huyết, năng động trong công việc cũng là một thuận lợi trong quá trình kinh doanh của đơn vị. Nguồn nhân lực trẻ dễ tiếp cận với xu hướng thời trang mới và trang mạng xã hội nhằm tăng doanh số bán hàng đưa về Công ty. Ngoài ra chính sách mở cửa hội nhập nền kinh tế góp phần tạo điều kiện cho đơn vị được quan sát, tiếp cận với lối kinh doanh ngoài quốc doanh

Về khó khăn, Công ty là một đơn vị thành lập mới với vốn đầu tư ban đầu còn nhỏ số vốn 500 triệu đồng, làm hạn chế cho doanh nghiệp mở rộng kinh doanh cũng như mạnh dạn bỏ vốn trong khâu nhập hàng để được giá mua thấp..Giám đốc đơn vị là người chưa qua đào tạo về ngành kinh tế, nên một số vấn đề pháp lý về doanh nghiệp còn chưa có nhiều hiểu biết, dễ làm sai trong khâu quản lý tài chính cũng như thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà nước. Bên cạnh những thuận lợi về hội nhập kinh tế quốc tế, cũng là một trong những thách thức về các đối thủ cạnh tranh mạnh về giá cả, nguồn đầu tư..

### **Kết quả kinh doanh tại Công ty trong 03 năm từ năm 2021 đến năm 2023**

Kết quả kinh doanh Công ty đã đạt được trong 3 năm từ năm 2021 đến năm 2023 được thể hiện dưới bảng dưới đây

**Bảng 1. 1: Bảng so sánh kết quả kinh năm từ năm 2021-2023**

Chi tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Chênh lệch 2021/2022		Chênh lệch 2022/2023		TĐPTBQ (%)
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Giá trị	%	Giá trị	%	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.121.067.030	33.076.660.300	32.456.061.623	16.955.593.270,00	205,2	(620.598.677)	98,12	141,9
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-		-		0,0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	16.121.067.030	33.076.660.300	32.456.061.623	16.955.593.270,00	205,2	(620.598.677)	98,12	141,9
4. Giá vốn hàng bán	11.705.334.691	26.765.633.300	27.896.662.030	11.705.334.691	228,7	1.131.028.730	104,23	154,4
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	4.415.732.339	6.311.027.000	4.559.399.593	5.250.258.579	142,9	(1.751.627.407)	72,24	101,6
6. Doanh thu hoạt động tài chính	225.630	366.230	425.330	140.600,00	162,3	59.100	116,14	137,3
7. Chi phí tài chính	65.291.580	89.976.103	98.761.623	24.684.523,00	137,8	8.785.520	109,76	123,0
- Trong đó: Chi phí lãi vay								
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.724.512.565	5.314.893.630	4.324.232.660	1.590.381.065,00	142,7	(990.660.970)	81,36	107,8
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22) + 24 - (25+26)}	626.153.824	906.523.497	136.830.640	3.635.333.591	144,8	(769.692.857)	15,09	46,7
11. Thu nhập khác				-				
12. Chi phí khác				-				
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)				-				
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=	626.153.824	906.523.497	136.830.640	280.369.673,00	144,8	(769.692.857)	15,09	46,7
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	<b>25.185.639</b>	<b>47.895.603</b>	27.366.128	22.709.964,00	190,2	(20.529.475)	57,14	104,2
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh ng	600.968.185	858.627.894	109.464.512	257.659.709,00	142,9	(749.163.382)	12,75	42,7

Kết quả hoạt động của công ty bằng chỉ tiêu giá trị trong 3 năm 2020-2022 được thể hiện qua bảng 2.4

Nhìn bảng 1.1 có thể thấy:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022 105,2% so với năm 2021 tương ứng tăng 16.955.593.270. đồng. Mức doanh thu bán hàng tăng cao do doanh thu năm 2021 chỉ bắt đầu tính từ tháng 9/2021. Doanh nghiệp mới thành lập và đi vào hoạt động .Ngoài ra, chính sách thay đổi về giá cũng như nâng cao chất lượng hàng hóa làm cho Công ty được biết đến với nhiều khách hàng

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023 giảm 1,88% so với năm 2022 tương ứng giảm 620.598.677 đồng. Mức độ giảm này không quá lớn do tính cạnh tranh ngành nghề

Tốc độ phát triển bình quân 3 năm tăng 141,9%. Trong thời kỳ đầy khó khăn thách thức mà công ty vẫn có mức tăng trưởng như vậy cũng thấy được sự nỗ lực của ban lãnh đạo công ty và cán bộ nhân viên

Giá vốn hàng bán năm 2022 tăng 11.705.334.691 đồng so với năm 2021 tương ứng với 128,7%. Tốc độ tăng này cao hơn so với tốc độ tăng doanh thu năm 2022 so với 2021. Điều này cho thấy công ty nên có chính sách kiểm soát chi phí mua vào để giảm thiểu chi phí ở mức có thể.

Giá vốn hàng bán năm 2023 tăng 1.131.028.730 đồng so với năm 2022 tương ứng mức tăng 4,23%. Doanh thu năm 2023 giảm so với năm 2022, nhưng giá vốn năm 2023 lại tăng so với năm 2022 điều này cho thấy doanh nghiệp chưa có chính sách quản lý chi phí đầu vào của hàng hóa.

Tốc độ phát triển bình quân giá vốn qua 3 năm đạt 154,4% cao hơn tốc độ phát triển bình quân doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ , vì vậy Công ty nên kiểm soát chi phí mua vào tốt hơn.

Chi phí tài chính năm 2022 tăng 24.684.523 đồng so với năm 2021, tương ứng tăng 37,8%. Chi phí tài chính năm 2023 tăng 8.785.520 đồng so với năm 2022 , tương

ứng tăng 9,76%

Nhìn chung khoản chi phí này tăng qua các năm khá nhanh, tốc độ phát triển bình quân đạt 23%. Mức tăng chi phí do ảnh hưởng một phần của nhu cầu về vốn trong kinh doanh và thay đổi lãi suất ngân hàng.

Chi phí quản lý kinh doanh năm 2022 tăng 1.590.381.065 đồng so với năm 2021, tương ứng tăng 42,7%. Chi phí quản lý kinh doanh năm 2023 giảm 990.660.970 đồng so với năm 2022, tương ứng giảm 18,64%. Chi phí quản lý kinh doanh qua các năm đạt tốc độ phát triển bình quân 7,8% trong khi đó tốc độ bình quân doanh thu đạt 41,9%, Qua đó ta thấy việc quản trị chi phí quản lý kinh doanh của doanh nghiệp khá tốt.

Mức lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022 tăng 280.369.673 đồng, với mức tăng 44,8% so với năm 2021. Mức tăng này do việc tăng doanh thu và tăng giá vốn không đồng đều. Mức lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022 tăng 257.659.709 đồng với mức tăng 42,9%

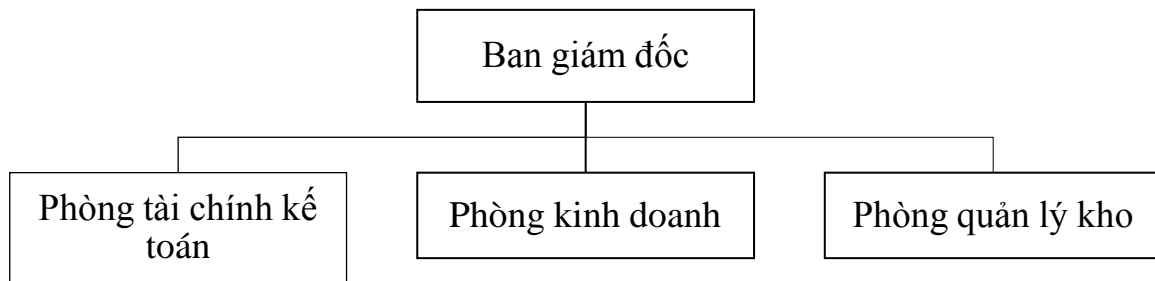
Mức lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2023 giảm 769.692.857 đồng, với mức giảm 84,91% so với năm 2022. Mức giảm này do việc giảm doanh thu nhưng tăng giá vốn qua 2 năm. Mức lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2023 giảm 749.163.382 đồng với mức giảm 87,25%

Nhìn chung trong 3 năm vừa qua, Công ty hoạt động chưa thực sự hiệu quả tốt, Công ty chưa có chính sách kiểm soát các mục chi phí như chi phí giá vốn dẫn đến mức tăng giảm đột ngột giữa các năm.

Công ty nên đưa ra các chính sách về giá mua và giá bán cho phù hợp với loại hình doanh nghiệp đảm bảo đơn vị đi đường dài trong quá trình phát triển kinh doanh.

### **1.1.3 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty**

Để phát huy tối đa hiệu quả quá trình sản xuất kinh doanh và đảm bảo quá trình vận hành doanh nghiệp được diễn ra thuận lợi. Hiện nay tại Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam bộ máy quản lý được tổ chức như sau:



### Sơ đồ 1. 1: Sơ đồ bộ máy tổ chức

*Ban giám đốc* : giám đốc là chủ doanh nghiệp đồng thời là người đại diện pháp luật của Công ty, có trách nhiệm điều hành, quản lý và đưa ra các chính sách giúp doanh nghiệp phát triển theo mục tiêu đề ra và không vi phạm các chuẩn mực về luật doanh nghiệp

*Phòng tài chính kế toán* : Có nhiệm vụ ghi chép các vấn đề kinh tế phát sinh hằng ngày của doanh nghiệp, tham mưu cho giám đốc về công tác tài chính kế toán, tình hình hoạt động kinh doanh từng kỳ của doanh nghiệp. Thực hiện các nghĩa vụ về thuế, báo cáo thuế của Công ty đối với cơ quan nhà nước.

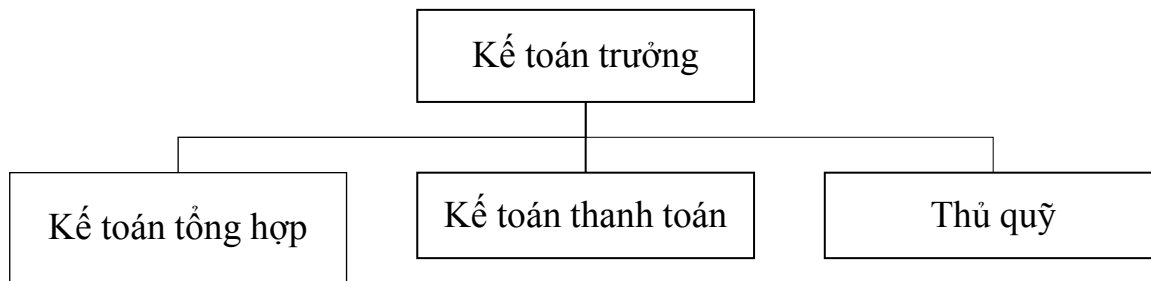
*Phòng kinh doanh* : Phòng kinh doanh có nhiệm vụ tham mưu cho giám đốc về các chiến lược kinh doanh, giúp đơn vị kinh doanh có hiệu quả. Thường xuyên tìm kiếm khách hàng tiềm năng thông qua các mối quan hệ, các sàn giao dịch thương mại hay cá nhân tầng xã hội khác. Chăm sóc khách hàng, để tìm hiểu nhu cầu cũng như giải đáp thắc mắc của khách hàng về sản phẩm của doanh nghiệp

*Phòng quản lý kho* : Theo dõi tồn kho hàng hóa thông qua tình hình xuất nhập của hàng hóa hằng ngày.

#### 1.1.4 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty được thể hiện dưới sơ đồ 1.2





### Sơ đồ 1.2 : Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty

**Kế toán trưởng:** Là người được ban giám đốc bổ nhiệm đứng đầu bộ phận kế toán, chức năng là chỉ đạo chung và tham mưu cho giám đốc về các vấn đề liên quan đến tài chính, chiến lược tài chính, kế toán cho công ty. Xây dựng, tổ chức và chuẩn hóa hệ thống tài chính kế toán, bao gồm: xây dựng các quy trình, quy chế, quy định liên quan đến tài chính kế toán. Tổ chức bộ máy kế toán một cách khoa học, tiết kiệm, hiệu quả. Bên cạnh đó kế toán trưởng phải chịu trách nhiệm về các giao dịch với các cơ quan hữu quan như cơ quan Thuế, sở kế hoạch và đầu tư, kho bạc Nhà nước, hải quan,... và các đối tác như ngân hàng, khách hàng, nhà cung cấp.... Phê duyệt các khoản thanh toán do các bộ phận trong công ty đề nghị.

**Kế toán tổng hợp :** Có nhiệm vụ hỗ trợ kế toán trưởng trong việc quản lý, giám sát, theo dõi công tác kế toán, theo dõi sử dụng phần mềm kế toán, tổng hợp báo cáo quyết toán hàng tháng, sắp xếp, lưu giữ và bảo quản các chứng từ, sổ sách kế toán; Kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa số liệu chi tiết và tổng hợp. Kiểm tra, đối chiếu số dư cuối kỳ có hợp lý và đúng với các báo cáo chi tiết. Lập báo cáo tài chính theo từng quý, nửa năm, năm và các báo cáo giải trình chi tiết. Ngoài ra, khi các phần hành kế toán khác phát sinh thì sẽ do kế toán tổng hợp đảm nhiệm thực hiện

**Kế toán thanh toán :** Theo dõi và kiểm tra tất cả các khoản thanh toán với người bán và các đơn vị trong nội bộ công ty, chịu trách nhiệm viết phiếu thu, phiếu chi trên cơ sở các chứng từ gốc hợp lý và hợp lệ.

**Thủ quỹ :** Theo dõi, quản lý quỹ tiền mặt công ty, đảm bảo các khoản thanh toán tiền mặt hàng ngày.

*Hình thức kế toán áp dụng tại công ty.*

Niên độ kế toán áp dụng tại công ty tính theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của năm.

Chế độ kế toán áp dụng theo thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016

Hình thức kế toán: Công ty áp dụng hình thức kế toán máy, phần mềm kế toán MISA dựa trên nền hình thức nhật ký chung.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: Áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Áp dụng tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Đơn vị tiền tệ sử dụng: Áp dụng thống nhất ghi sổ theo đơn vị “Việt Nam Đồng” (VND), ngoại tệ phát sinh được hạch toán theo tỉ giá của ngân hàng Vietcombank tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

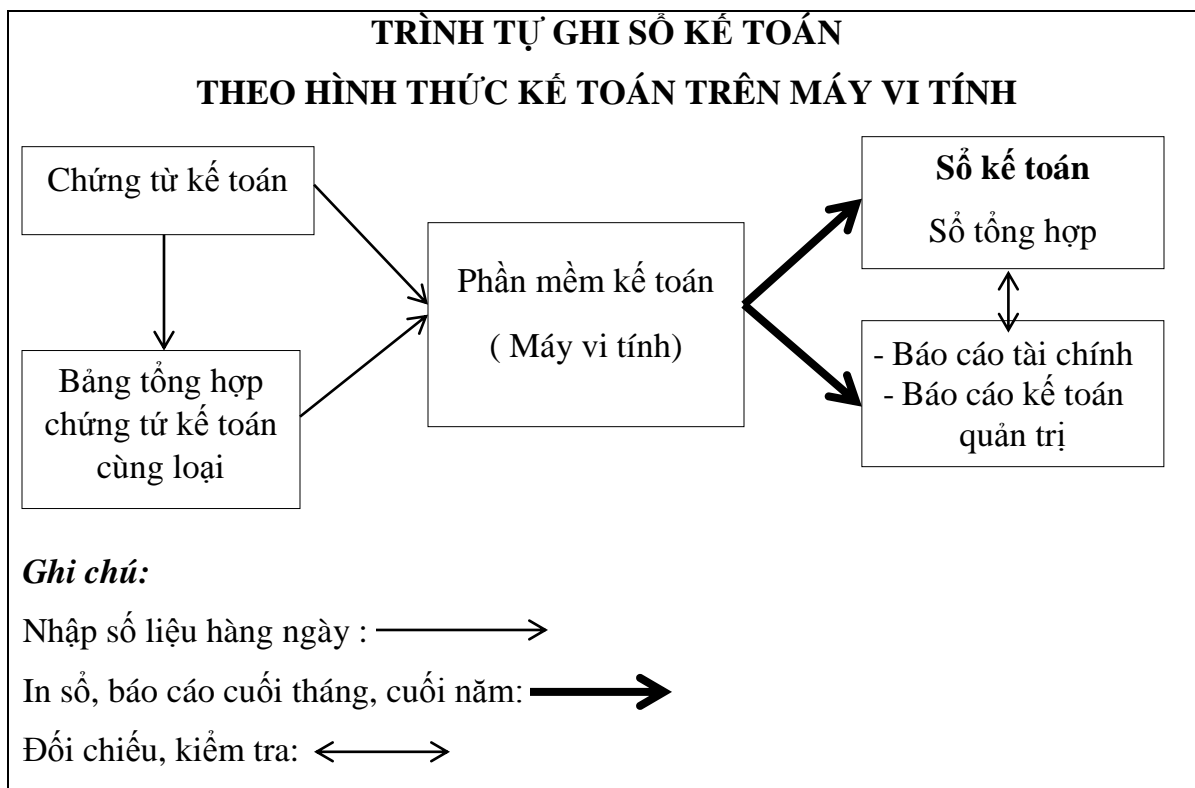
Phương pháp nộp thuế giá trị gia tăng: Thuế giá trị gia tăng được tính theo phương pháp khấu trừ.

Hệ thống tài khoản sử dụng: Sử dụng hệ thống tài khoản theo thông tư số: 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016

Hệ thống báo cáo tài chính bao gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo thông tư số: 133/2016/TT-BTC và “Chuẩn mực kế toán số 21” do Bộ Tài Chính ban hành.

Chế độ chứng từ kế toán: Sử dụng mẫu chứng từ kế toán ban hành theo thông tư số: 133/2016/TT-BTC, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải có chứng từ hợp lệ.

Chế độ sổ kế toán : sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.



**Sơ đồ 1.3: Hệ thống kế toán trên máy của công ty**

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký chung..) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định. Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

### Màn hình nhập liệu kế toán Misa



#### 1.1.5 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam là một doanh nghiệp kinh doanh thương mại, là cầu nối trung gian giữa sản xuất và phân phối, tiêu dùng. Vì vậy nên công ty có quy trình kinh doanh khá đơn giản cụ thể như sau:

Bước 1: Giới thiệu sản phẩm, tìm kiếm khách hàng

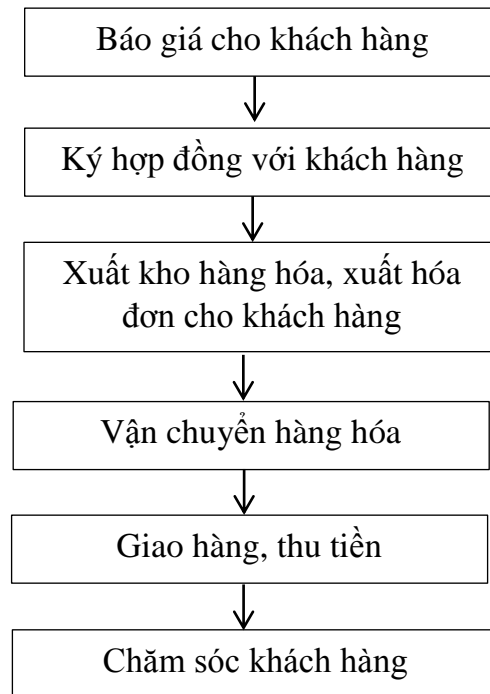
Bước 2: Đối với đơn hàng lớn Công ty nhận đơn đặt hàng

Bước 3: Nhập hàng hóa về kho

Bước 4: Bán hàng cho khách hàng, thu tiền

Bước 5 : Chăm sóc khách hàng sau bán hàng

#### Sơ đồ 1. 4: Quy trình sản xuất kinh doanh tại Công ty



#### *Quá trình tiêu thụ hàng hóa của công ty*

+ Báo giá cho khách hàng: Khách hàng có nhu cầu đặt hàng với số lượng lớn, sẽ gửi yêu cầu báo giá hàng hóa với bộ phận kinh doanh thông qua điện thoại hoặc gmail . Bộ phận kinh doanh gửi lại báo giá cho khách hàng sau khi thống nhất với ban giám đốc. Đối với khách hàng lẻ, bộ phận kinh doanh sẽ báo giá trực tiếp theo bảng giá của Công ty đưa ra

+ Ký hợp đồng với khách hàng: Sau khi khách hàng đồng ý với báo giá công ty gửi, hai bên sẽ ký hợp đồng để thống nhất các điều khoản khi mua bán..

+ Xuất kho hàng hóa, xuất hóa đơn cho khách hàng: Hợp đồng mua bán đã ký, bộ phận kế toán xuất hóa đơn, chuyển xuống bộ phận kho để xuất kho hàng hóa kèm hóa đơn gửi cho phía khách hàng

+ Vận chuyển hàng hóa: Bộ phận kho có trách nhiệm đi giao hàng tận nơi cho khách hàng có địa chỉ ở gần hoặc thông qua các đơn vị vận chuyển để giao hàng đến

tay khách hàng.

+ Giao hàng hóa và thu tiền: Sau khi giao hàng, nhân viên giao hàng có trách nhiệm thu tiền với khách hàng thu tiền ngay

+ Chăm sóc khách hàng sau bán hàng: Chăm sóc khách hàng là khâu quan trọng trong quá trình bán hàng, giúp gắn kết giữa khách hàng với doanh nghiệp.

## **1.2 Lý do lựa chọn đề tài nghiên cứu**

Lao động tồn tại trong bất kì nghề nghiệp, trong nhiều lĩnh vực nào đó có thể là lao động tay chân hoặc lao động trí óc. Để bù đắp cho sức lao động mà con người bỏ ra trong trong quá trình lao động sản xuất và tái sức lao động thì tiền lương là vấn đề được quan tâm cấp thiết trong doanh nghiệp.

Tiền lương là phần thu nhập của người lao động trên cơ sở số lượng và chất lượng lao động trong khi thực hiện công việc của bản thân người lao động theo cam kết giữa chủ doanh nghiệp và người lao động. Việc hạch toán tiền lương đối với doanh nghiệp phải thực hiện một cách chính xác, hợp lý. Tiền lương được trả đúng thành quả lao động sẽ kích thích người lao động làm việc, tăng hiệu quả cho doanh nghiệp, thúc đẩy tinh thần hăng say làm việc, sáng tạo trong quá trình lao động. Ngoài tiền lương chính mà người lao động được hưởng thì các khoản tiền thưởng, phụ cấp, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ là các quỹ xã hội mà người lao động được hưởng, nó thể hiện sự quan tâm của xã hội của doanh nghiệp đến từng thành viên trong doanh nghiệp.

Tiền lương luôn là vấn đề được xã hội quan tâm chú ý bởi ý nghĩa kinh tế và xã hội của nó.

Đối với doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, tiền lương là một phần không nhỏ của chi phí sản xuất. Nếu doanh nghiệp vận dụng chế độ tiền lương hợp lý sẽ tạo động lực tăng năng suất lao động.

Tiền lương có vai trò tác dụng là đòn bẩy kinh tế tác động trực tiếp đến người lao động. Chi phí nhân công chiếm tỉ trọng tương đối trong tổng số chi phí sản xuất của doanh nghiệp. Vì vậy doanh nghiệp cần phải tăng cường công tác quản lý lao động,

công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương cần chính xác, kịp thời để đảm bảo quyền lợi của người lao động đồng thời tạo điều kiện tăng năng suất lao động, tiết kiệm nhân công, đẩy mạnh hoạt động sản xuất và hạ giá thành sản phẩm.

Đối với người lao động tiền lương có một ý nghĩa vô cùng quan trọng bởi nó là nguồn thu nhập chủ yếu giúp cho họ đảm bảo cuộc sống của bản thân và gia đình. Do đó tiền lương có thể là động lực thúc đẩy người lao động tăng năng suất lao động nếu họ được trả đúng theo sức lao động họ đóng góp, nhưng cũng có thể làm giảm năng suất lao động khiến cho quá trình sản xuất chậm lại, không đạt hiệu quả nếu tiền lương được trả thấp hơn sức lao động của người lao động bỏ ra. Ở phạm vi toàn bộ nền kinh tế, tiền lương là sự cụ thể hơn của quá trình phân phối của cải vật chất do chính người lao động làm ra. Vì vậy, việc xây dựng thang lương, bảng lương, lựa chọn các hình thức trả lương hợp lý để sao cho tiền lương vừa là khoản thu nhập để người lao động đảm bảo nhu cầu cả vật chất lẫn tinh thần, đồng thời làm cho tiền lương trở thành động lực thúc đẩy người lao động làm việc tốt hơn, có tinh thần trách nhiệm hơn với công việc thực sự là việc làm cần thiết. Chính sách tiền lương được vận dụng linh hoạt ở mỗi doanh nghiệp phụ thuộc đặc điểm tổ chức quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh và phụ thuộc tính chất hay loại hình kinh doanh của mỗi doanh nghiệp.

Trong quá trình làm việc tại phòng kế toán của Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam Em cũng được phân công làm công tác chấm công cho toàn nhân viên trong công ty. Dưới sự hướng dẫn tận tình của..... em đã có cơ hội và điều kiện được tìm hiểu về chế độ hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty, đã giúp em rất nhiều trong việc củng cố và mở mang hơn cho em những kiến thức em đã học được bổ sung vào vốn kiến thức đã học trong nhà trường để áp dụng thực hành.

Với điều kiện thời gian và kiến thức còn hạn hẹp, nên đề tài của em không tránh khỏi những thiếu sót nhất định.

### **1.3 Mục tiêu nghiên cứu của đề tài**

#### ***1.3.1 Mục tiêu tổng thể***

Nghiên cứu thực trạng công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương từ đó đề xuất những khuyến nghị nhằm hoàn thiện các kế toán tài khoản và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam.

#### ***1.3.2 Mục tiêu cụ thể***

Cơ sở lý luận về công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại doanh nghiệp.

Phản ánh thực trạng công tác kế toán tiền lương & các khoản trích theo lương tại Công ty.

Kết luận và đề xuất các khuyến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tiền lương & các khoản trích theo lương tại Công ty

### **1.4.Nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài**

Khái quát chung về công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam từ đó đưa ra những hạn chế còn tồn đọng trong công tác kế toán và kiến nghị nhằm hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại đơn vị.

### **1.5 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài**

#### ***1.5.1 Đối tượng nghiên cứu***

Công tác tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam

#### ***1.5.2 Phạm vi nghiên cứu***

*Phạm vi thời gian*

Nghiên cứu công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty trong quý 01/2024

*Phạm vi không gian*

Thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH



Lotuss Fashion Việt Nam

## **1.6 Phương pháp nghiên cứu của đề tài**

### ***Phương pháp thu thập số liệu***

Thu thập số liệu từ các báo cáo tài chính, cụ thể là bảng Cân đối kế toán, bảng Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, Thuyết minh báo cáo tài chính, do phòng Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam cung cấp và một số tài liệu liên quan trực tiếp đến công tác kế toán tiền lương như Sổ theo dõi tài khoản, chứng từ, phiếu lương, bảng chấm công...

Ngoài ra, đề tài còn được thực hiện dựa trên việc tổng hợp những kiến thức đã học ở trường, trên sách báo, tạp chí có liên quan. Đồng thời kết hợp với việc tiếp xúc, tham khảo ý kiến của các anh chị trong phòng kế toán, phòng kinh doanh tổng hợp và phòng hành chính của công ty về các vấn đề liên quan.

### ***Phương pháp phân tích và xử lý số liệu***

Áp dụng nhiều phương pháp phân tích như: phương pháp so sánh, phân tích chi tiết, phân tích tỷ lệ,... Trong đó sử dụng chủ yếu phương pháp so sánh và mối liên hệ giữa các con số để nghiên cứu.

Phương pháp so sánh là phương pháp chủ yếu dùng trong phân tích hoạt động kinh tế, phương pháp so sánh đòi hỏi các chỉ tiêu phải đồng nhất cả về thời gian và không gian. Tùy theo mục đích phân tích mà xác định gốc so sánh. Gốc so sánh được chọn là gốc về thời gian hoặc không gian, kỳ phân tích được lựa chọn là kỳ báo cáo hoặc kỳ kế hoạch, giá trị so sánh có thể sử dụng số tuyệt đối hoặc tương đối hoặc số bình quân.

## **CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP**

### ***2.1 Khái niệm và ý nghĩa của tiền lương và các khoản trích theo lương***

#### ***2.1.1 Khái niệm về tiền lương***

Tiền lương là sự trả công hoặc thu nhập, bất kể tên gọi hay cách tính mà có thể biểu hiện bằng tiền mặt và được ấn định bằng thỏa thuận giữa người sử dụng lao động và người lao động hoặc bằng pháp luật quốc gia, do người sử dụng lao động phải trả cho người lao động theo một hợp đồng thuê mướn lao động, bằng viết hoặc bằng lời nói cho một công việc đã thực hiện hoặc sẽ phải thực hiện, hoặc cho những dịch vụ đã làm hay sẽ phải làm.

Tiền lương là một bộ phận của sản phẩm xã hội biểu hiện bằng tiền được trả cho người lao động dựa trên số lượng và chất lượng lao động của mỗi người, dùng để bù đắp lại hao phí lao động của họ và nó là một vấn đề thiết thực đối với cán bộ công nhân viên. Tiền lương được quy định một cách đúng đắn, là yếu tố kích thích sản xuất mạnh mẽ, nó kích thích người lao động ra sức sản xuất và làm việc, nâng cao trình độ tay nghề, cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất lao động.

Tiền lương được hiểu là số lượng tiền mà người sử dụng lao động trả cho người lao động khi người lao động hoàn thành công việc theo chức năng, nhiệm vụ do Pháp luật hoặc do hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng lao động.

Tiền lương của người lao động do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng lao động và được trả theo năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả công việc. Mức lương của người lao động không được thấp hơn mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định. Lương được trả bằng tiền mặt hoặc được chuyển vào tài khoản của người lao động. Không được trả bằng sản phẩm thay cho tiền

#### ***2.1.2 Ý nghĩa của tiền lương và các khoản trích theo lương***

Tiền lương là yếu tố cơ bản để quyết định thu nhập tăng hay giảm của người lao động, quyết định mức sống vật chất của người lao động làm công ăn lương trong doanh

nghiệp. Vì vậy để có thể trả lương một cách công bằng chính xác, đảm bảo quyền lợi cho người lao động thì mới tạo ra sự kích thích, sự quan tâm đúng đắn của người lao động đến kết quả cuối cùng của doanh nghiệp. Có thể nói hạch toán chính xác đúng đắn tiền lương là một đòn bẩy kinh tế quan trọng để kích thích các nhân tố tích cực trong mỗi con người, phát huy tài năng, sáng kiến, tinh thần trách nhiệm và nhiệt tình của người lao động tạo thành động lực quan trọng của sự phát triển kinh tế.

Mặt khác, tiền lương là một trong những chi phí của doanh nghiệp hơn nữa lại là chi phí chiếm tỉ lệ đáng kể. Mục tiêu của doanh nghiệp là tối thiểu hoá chi phí, tối đa hoá lợi nhuận nhưng bên cạnh đó phải chú ý đến quyền lợi của người lao động. Do đó làm sao và làm cách nào để vừa đảm bảo quyền lợi của người lao động vừa đảm bảo quyền lợi của doanh nghiệp. Đó là vấn đề nan giải của mỗi doanh nghiệp. Vì vậy hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương không những có ý nghĩa phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người lao động mà còn có ý nghĩa giúp các nhà quản lý sử dụng quỹ tiền lương có hiệu quả nhất tức là hợp lý hoá chi phí giúp doanh nghiệp làm ăn có lãi. Cung cấp thông tin đầy đủ chính xác về tiền lương của doanh nghiệp, để từ đó doanh nghiệp có những điều chỉnh kịp thời, hợp lý cho những kỳ doanh thu tiếp theo.

Tiền lương và các khoản trích theo lương sẽ là nguồn thu nhập chính, thường xuyên của người lao động, đảm bảo tái sản xuất và mở rộng sức lao động, kích thích lao động làm việc hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh khi công tác hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương được hạch toán hợp lý công bằng chính xác.

Hạch toán tốt lao động tiền lương và các khoản trích theo lương giúp cho công tác quản lý nhân sự đi vào nề nếp có kỷ luật, đồng thời tạo cơ sở để doanh nghiệp chi trả các khoản trợ cấp bảo hiểm xã hội cho người lao động nghỉ việc trong trường hợp nghỉ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động.

Ngoài tiền lương người lao động còn được Nhà nước và các doanh nghiệp hỗ trợ các khoản đóng góp như BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, ... các khoản này cũng góp

phần trợ giúp, động viên người lao động trong các trường hợp khó khăn tạm thời hoặc vĩnh viễn mất sức lao động

## **2.2 Các hình thức tiền lương và quỹ tiền lương**

### **2.2.1 Các hình thức tiền lương**

#### **Trả lương theo thời gian**

Tiền lương theo thời gian là tiền lương được xác định theo trình độ kỹ thuật của công nhân (thể hiện bằng cấp bậc lương) và thời gian làm việc thực tế của họ.

Tiền lương theo thời gian có thể được xác định theo biểu thức sau đây:

$$L_{g_{tgcni}} = \frac{L_0}{T_{lv}} (K_{cni} + \sum K_p) \cdot T_i \text{ (đồng/tháng)}$$

Trong đó:

$L_{tgcni}$  : tiền lương theo thời gian của công nhân  $i$ ,

$L_0$ : mức tiền lương tối thiểu một tháng,

$K_{cni}$ : hệ số tiền lương hiện hưởng của công nhân  $i$ ,

$\sum K_p$ : tổng các hệ số phụ cấp mà công nhân  $i$  được hưởng,

$T_i$ : số ngày làm việc của công nhân  $i$ .

Ưu điểm: Đơn giản, dễ tính toán

#### **Nhược điểm:**

Dùng thời gian làm việc làm thước đo để trả lương nên không phân biệt được cống hiến của từng người.

Lấy lương hiện hưởng của người lao động để xác định mức lương ngày nên không xác định chính xác chất lượng lao động để trả lương.

#### **Điều kiện áp dụng:**

- Áp dụng cho các đối tượng lao động gián tiếp vì:
  - + Những công việc của họ khó xây dựng được định mức.
  - + Khó thống kê được kết quả lao động.
- Đối với những nơi sản xuất theo dây chuyền là định mức của dây chuyền không chế định mức của tất cả các cá nhân (vì có nhịp dây chuyền, ...).

### **Trả lương theo sản phẩm**

Tiền lương trả theo sản phẩm là tiền lương trả cho người lao động dựa trên số lượng sản phẩm mà họ đã hoàn thành và được nghiệm thu và đơn giá sản phẩm thống nhất cho từng loại sản phẩm. Tiền lương sản phẩm có thể được xác định theo biểu thức sau đây:

$$L_{sp} = \Sigma (S_{pi} \cdot Đ_{gi})$$

Trong đó:

$L_{sp}$ : lương sản phẩm trả cho công nhân,

$S_{pi}$ : số lượng sản phẩm  $i$  do của công nhân hoàn thành được nghiệm thu,

$Đ_{gi}$ : đơn giá thống nhất tính cho một đơn vị sản phẩm  $i$ .

Đơn giá tiền lương thống nhất trả cho sản phẩm  $i$  được xác định theo biểu thức sau đây:

$$Đ_{gi} = \frac{L_0}{T_{lv}} \cdot (K_{cvi} + \Sigma K_p) \cdot M_{ti}$$

Trong đó:

$Đ_{gi}$ : đơn giá thống nhất tính cho một đơn vị sản phẩm  $i$ .

$K_{cvi}$ : hệ số lương cấp bậc công việc quy định cho sản phẩm  $i$ ,

$\Sigma K_p$ : tổng các hệ số phụ cấp của công việc  $i$ ,

$M_{ti}$ : Mức thời gian để sản xuất một đơn vị sản phẩm  $i$ .

### **Ưu điểm:**

Người ta sử dụng số lượng sản phẩm hợp quy cách làm thước đo để trả lương nên nó xác định được số lượng lao động thực tế mà người lao động đã bỏ ra.

Khi trả lương theo sản phẩm, tiền lương mà công nhân nhận được hoàn toàn phụ thuộc vào số lượng và chất lượng lao động đã hao phí, phụ thuộc vào kết quả lao động mà họ đã đạt được. Như vậy, nó quán triệt 1 cách tốt nhất nguyên tắc phân phối theo lao động.

Thực hiện chế độ trả lương theo sản phẩm sẽ thúc đẩy công nhân làm việc tự

giác, khuyến khích người lao động phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và nâng cao trình độ lành nghề. Trả lương theo sản phẩm cũng thúc đẩy cải tiến tổ chức sản xuất, tổ chức lao động và không ngừng tăng năng suất lao động.

**Nhược điểm:**

Tính toán tương đối phức tạp.

Đòi hỏi phải có hệ thống định mức lao động đầy đủ và chính xác.

Đòi hỏi công tác kiểm tra và nghiệm thu nhanh chóng và chặt chẽ.

Dễ gây ra tâm lý chạy theo số lượng sản phẩm mà bỏ qua chất lượng sản phẩm.

Hình thức trả lương theo sản phẩm lại được chia làm nhiều loại: tiền lương sản phẩm cá nhân, tiền lương sản phẩm tập thể, tiền lương sản phẩm gián tiếp và tiền lương sản phẩm lũy tiến.

**Tiền lương sản phẩm cá nhân**

Tiền lương sản phẩm cá nhân trực tiếp là tiền lương tính trả trực tiếp cho từng công nhân theo số lượng sản phẩm đã được nghiệm thu của họ. Trả lương sản phẩm cá nhân thì mỗi công nhân thấy rõ mối quan hệ giữa tiền lương và năng suất lao động của họ nên nó khuyến khích mạnh mẽ công nhân nâng cao trình độ lành nghề, nâng cao tinh thần trách nhiệm, chăm chỉ làm việc, thúc đẩy không ngừng tăng năng suất lao động.

**Tiền lương sản phẩm tập thể**

Tiền lương sản phẩm tập thể là tiền lương sản phẩm tính cho cả tập thể công nhân trên cơ sở số lượng sản phẩm mà tổ đã hoàn thành được nghiệm thu và đơn giá tiền lương tổng hợp, sau đó mới chia lương lại cho từng người trong tổ.

Tiền lương sản phẩm tập thể có thể được xác định theo biểu thức sau đây:

$$L_{spto} = \sum (Sp_{ti} \cdot Đg_{THi})$$

Trong đó:

$L_{spto}$ : lương sản phẩm trả cho cả tổ công nhân,

$Sp_{ti}$ : số lượng sản phẩm i do cả tổ CN hoàn thành được nghiệm thu,

$Dg_{\text{THi}}$ : đơn giá tổng hợp tính cho một đơn vị sản phẩm i.

Đơn giá tiền lương thống nhất trả cho sản phẩm i được xác định theo biểu thức sau đây:

$$Dg_{\text{THi}} = \frac{L_0}{T_{lv}} \cdot (K_{cvi} + \Sigma K_p) \cdot M_{\text{tTHi}} \text{ (đồng/sản phẩm)}$$

- $K_{cvi}$ : hệ số lương cấp bậc công việc quy định cho sản phẩm i,
- $M_{\text{tTHi}}$ : định mức thời gian tổng hợp của tổ cho một đơn vị sản phẩm i.

Khi trả lương sản phẩm tập thể, vấn đề chia lương là hết sức quan trọng. Vì chính tiền lương mà mỗi công nhân nhận được phải tương ứng với số lượng và chất lượng lao động mà họ đã hao phí thì tác dụng kích thích tăng năng suất lao động của chế độ tiền lương mới được phát huy.

### **Phương pháp 1: Chia lương theo thời gian làm việc thực tế:**

$$L_{gcni} = \frac{Lg_{tổ}^{sf} \times T_i}{\Sigma T_i}$$

Ưu điểm: Đơn giản, dễ tính toán.

Nhược điểm: Khi chia lương đã không tính đến trình độ lành nghề của mỗi người và cũng không xét tới thái độ lao động của họ. Do đó chia lương theo thời gian cũng giống như trả lương theo thời gian nên kém kích thích tăng năng suất lao động.

### **Phương pháp 2: Chia lương theo hệ số thời gian:**

$$L_{gcni} = \frac{Lg_{tổ}^{sf} \times x}{\Sigma T_i \cdot K_i} \times T_i \cdot K_i$$

Ưu điểm: Đã xét tới hai nhân tố:

Thời gian làm việc thực tế: thể hiện số lượng lao động hao phí. - Hệ số cấp bậc lương: thể hiện chất lượng lao động hao phí.

Nhược điểm: Không xét tới thái độ lao động.

### **Phương pháp 3: Chia lương theo hệ số điểm:**

$$Lg_{cni} = \frac{Lg_{tổ}^{sf} x}{\Sigma D_i \cdot K_i} D_i$$

Trong đó:

$D_i$ : Là số điểm đạt được trong tháng của công nhân i

$D_i \cdot K_i$ : Hệ số điểm đạt được trong tháng của công nhân i

$\Sigma D_i \cdot K_i$ : Tổng hệ số điểm của cả tổ trong tháng.

Số điểm của mỗi người được bình xét hàng ngày và cộng lũy tích thành số điểm hàng tháng.

Nguyên tắc cho điểm dựa vào 3 yếu tố:

+ Số giờ thực tế đi làm hàng ngày.

+ Thái độ lao động.

+ Kết quả lao động.

Ưu điểm: Việc đánh giá số lượng lao động hao phí có xét tới thái độ lao động và kết quả lao động nên công bằng hơn.

Nhược điểm: Việc bình xét điểm hàng ngày rất phức tạp, mất nhiều thời gian, dễ gây tâm lý nặng nề trong tổ, nên thực tế cũng ít được áp dụng.

#### **Phương pháp 4: Chia lương theo hệ số điều chỉnh.**

$$Lg_{cni} = K_{đc} \times Lg_{cni}$$

$$K_{đc} = \frac{Lg_{tổ}^{sf}}{Lg_{tổ}^{tg}}$$

$$Lg_{cni}^{tg} = L_{min}(K_i + \Sigma k_{pi}) \cdot T_i / 22$$

$$Lg_{tổ}^{sf} = \Sigma l_{cni}^{tg}$$

Trong đó:  $Lg_{tổ}^{tg}$  là lương thời gian theo cấp bậc công nhân của tổ.

Ưu điểm: Đơn giản, người công nhân có thể kiểm tra số tiền của mình.



Nhược điểm: Mang tính bình quân, chưa tính đến thái độ và chất lượng công việc của người công nhân.

**Phương pháp 5: Phương pháp hỗn hợp**

(chia lương theo hệ số - thời gian kết hợp với hệ số điểm).

Theo phương pháp này lương sản phẩm của tổ được chia thành 2 phần:

**Phần 1:** Lương cấp bậc tháng (kể cả phụ cấp) toàn tổ được chia theo hệ số thời gian.

$$Lg^{CBtổ} = \sum L_{min} (K_i + \sum K_{pi}). T_i / 22$$

$$Lg_{cni}^{CB} = \frac{Lg_{tae}^{CB} \times T_i \cdot K_i}{\sum T_i \cdot K_i}$$

**Phần 2:** Lương sản phẩm vượt năng suất của tổ được chia theo hệ số điểm.

$$Lg^{VMtổ} = Lg^{sp} \text{ tổ} - Lg^{CB} \text{ tổ}$$

$$Lg_{cni}^{Vm} = \frac{Lg_{tổ}^{VM} \times T_i \cdot D_i}{\sum T_i \cdot D_i}$$

Việc bình xét mỗi tháng 1 lần hoặc tiến hành sau khi đã hoàn thành 1 lô sản phẩm nhất định. Việc bình xét dựa vào 3 yếu tố:

Số ngày làm việc thực tế trong tháng

Thái độ lao động

Kết quả lao động

Các tổ viên được phân 3 hoặc 4 loại là A-B-C-D, mỗi loại ứng với 1 hệ số nhất định. Lấy hệ số bình xét của mỗi người nhân với số ngày làm việc trong tháng thì được điểm cả tháng của mỗi người. Đó là căn cứ để chia phần lương vượt năng suất của tổ.

Ưu điểm: Tương đối hợp lý, dễ tính toán cho nên được áp dụng khá phổ biến ở các cơ sở sản xuất. Tiền lương sản phẩm gián tiếp:

Áp dụng cho công nhân phục vụ sản xuất chính

Công thức tính:

$$Lg_{tsf} = S_{fc} \times Đ_{gp}$$

$$Đ_{gp} = \frac{L_0}{MSC} (K_{cvp} + \Sigma K_p)$$

$L_{g_{tsf}}$ : Là tiền lương sản phẩm gián tiếp

$S_{fc}$ : Là số lượng sản phẩm mà công nhân chính đã hoàn thành và đã được nghiệm thu.

$Đ_{gp}$ : Đơn giá sản phẩm của công việc phục vụ

$M_{sc}$ : Mức sản lượng của công việc chính

$K_{cvp}$ : Hệ số cấp bậc của công việc phục vụ

$\Sigma K_{pc}$ : Là tổng các hệ số phụ cấp được tính vào đơn giá.

Tiền lương sản phẩm lũy tiến:

Tiền lương sản phẩm lũy tiến là tiền lương trả theo nhiều đơn giá khác nhau cho cùng 1 loại công việc. Đơn giá lương của số sản phẩm vượt định mức cao hơn đơn giá của số sản phẩm trong định mức, tỷ lệ hoàn thành vượt mức càng cao thì đơn giá càng cao. Tiền lương sản phẩm lũy tiến bao giờ cũng kèm theo 1 bảng đơn giá lũy tiến.

Trả lương sản phẩm lũy tiến sẽ kích thích tăng năng suất lao động rất mạnh, nhưng ở đây tốc độ tăng lương lớn hơn tốc độ tăng năng suất lao động. Cho nên, chỉ nên áp dụng ở khâu yếu và trong một thời gian nhất định, khi sản lượng ở khâu yếu đã tăng lên đủ mức cần thiết, đảm bảo cân đối cả dây chuyền và đi vào sản xuất ổn định thì thôi không nên áp dụng nữa.

Nguồn tiền để trả thêm cho đơn giá lũy tiến là số tiền tiết kiệm được do khắc phục được khâu yếu. Nếu số tiền tiết kiệm được --> số tiền lương trả thêm cho đơn giá lũy tiến thì biện pháp trả lương sản phẩm lũy tiến vẫn có hiệu quả.

### 2.2.2 Quỹ tiền lương

Quỹ tiền lương của công ty là toàn bộ số tiền lương trả cho cán bộ công nhân viên của công ty. Hiện nay, công ty, doanh nghiệp xây dựng quy chế trả lương như sau:

Gắn với năng suất chất lượng, hiệu quả công tác và giá trị cống hiến của từng bộ phận, cá nhân người lao động.

Khuyến khích những người có chuyên môn, kỹ thuật và trách nhiệm công việc,

có vai trò và đóng góp quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đồng thời khuyến khích mọi người tích cực rèn luyện nâng cao trình độ về mọi mặt.

Đảm bảo tính công bằng hợp lý, không mang tính bình quân. Chênh lệch giữa lao động có chuyên môn, kỹ thuật, độ phức tạp và trách nhiệm công việc với lao động phục vụ giản đơn tại doanh nghiệp được xem xét phù hợp.

Những người làm công việc đòi hỏi chuyên môn, độ phức tạp và trách nhiệm công việc, đóng góp nhiều vào kết quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp được trả lương cao ứng với hiệu quả công việc đạt được.

### **2.3 Kế toán tiền lương**

#### *2.3.1 Kế toán chi tiết tiền lương*

##### *2.3.1.1 Hạch toán số lượng lao động*

Để quản lý lao động về mặt số lượng, các doanh nghiệp sử dụng sổ danh sách lao động. Sổ này do phòng Tổ chức hành chính – nhân sự lập( lập chung cho toàn doanh nghiệp và lập riêng cho từng bộ phận) để nắm bắt tình hình phân bổ, sử dụng lao động hiện có trong doanh nghiệp. Bên cạnh đó, doanh nghiệp còn căn cứ vào sổ lao động( mở riêng cho từng lao động) để quản lý nhân sự về số lượng và chất lượng lao động, về biến động và chấp hành chế độ với người lao động.

##### *2.3.1.2 Hạch toán thời gian lao động*

Muốn quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng lao động cần phải tổ chức hạch toán việc sử dụng thời gian lao động.

Hạch toán thời gian lao động là công việc đảm bảo ghi chép kịp thời chính xác ngày công, giờ công làm việc thực tế cũng như ngày nghỉ việc, ngừng việc của từng lao động, từng bộ phận sản xuất, từng phòng ban trong doanh nghiệp. Trên cơ sở này tính lương phải trả cho người lao động. Bảng chấm công là chứng từ ban đầu quan trọng nhất để hạch toán thời gian lao động.

### *2.3.1.3 Hạch toán kết quả lao động*

Hạch toán kết quả lao động là nội dung quan trọng trong toàn bộ công tác quản lý và hạch toán lao động ở các doanh nghiệp. Công việc tiến hành là ghi chép chính xác kịp thời số lượng hoặc chất lượng sản phẩm hoặc khối lượng công việc hoàn thành của từng cá nhân, tập thể làm căn cứ tính lương và trả lương chính xác.

Để hạch toán kết quả lao động, kế toán sử dụng các loại chứng từ ban đầu khác nhau tùy theo từng loại hình và đặc điểm sản xuất của từng doanh nghiệp. Mặc dù sử dụng các mẫu chứng từ khác nhau nhưng các chứng từ này bao gồm các nội dung cần thiết như tên công nhân, tên công việc hay sản phẩm, thời gian lao động, số lượng sản phẩm hoàn thành nghiệm thu,...là các báo cáo về kết quả như: Phiếu giao nhận sản phẩm, phiếu xác nhận sản phẩm, công việc hoàn thành, hợp đồng giao khoán, phiếu báo làm thêm giờ,.....

### *2.3.1.4 Hạch toán tiền lương cho người lao động*

Hàng tháng, tính ra tổng số lượng và các khoản phụ cấp mang tính chất tiền lương phải trả cho người lao động (bao gồm tiền lương, tiền công, phụ cấp khu vực,...) và phân bổ cho các đối tượng sử dụng.

Tính tiền lương phải trả cho công nhân viên ghi:

Nợ TK 622;627;623- Chi phí sản xuất

Nợ TK 641; 642- Chi phí quản lý kinh doanh

Có TK 334- Phải trả người lao động

Khi thanh toán tiền lương hoặc người lao động ứng trước tiền lương ghi:

Nợ TK 334 – Tiền lương thực lĩnh

Có TK 111, 112 - Số tiền trả

Số tiền thưởng phải trả cho người lao động từ quỹ khen thưởng

Nợ TK 353- Quỹ khen thưởng phúc lợi

Có TK 334 - Phải trả người lao động

Số BHXH phải trả trực tiếp cho người lao động

Nợ TK 3383: BHXH

Có TK 334: Phải trả người lao động

Các khoản khấu trừ vào thu nhập người lao động : tạm ứng chi không hết, BHXH, BHYT người lao động phải nộp, thuế phải nộp ngân sách nhà nước.

Nợ TK 334: Phải trả người lao động

Có TK 141: Tạm ứng

Có TK 138: Phải thu khác

Có TK 338: Phải trả, phải nộp khác

Có TK 333: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

### *2.3.2 Kế toán tổng hợp tiền lương*

#### *2.3.2.1. Chứng từ sử dụng*

- + Mẫu số 01-LĐTL: Bảng chấm công.
- + Mẫu số 02-LĐTL: Bảng thanh toán lương.
- + Mẫu số 03-LĐTL: Phiếu nghỉ hưởng bảo hiểm xã hội.
- + Mẫu số 04-LĐTL: Bảng thanh toán bảo hiểm xã hội.
- + Mẫu số 05-LĐTL: Giấy báo làm việc ngoài giờ.
- + Mẫu số 06-LĐTL: Phiếu xác nhận sản phẩm hoặc công việc hoàn thành.
- + Mẫu số 07-LĐTL: Phiếu làm thêm giờ.

Và một số chứng từ khác;

- + Mẫu số 08-LĐTL: Hợp đồng lao động, các bản cam kết.
- + Mẫu số 09-LĐTL: Biên bản điều tra tai nạn.
- + Một số chứng từ khác có liên quan như phiếu thu, phiếu chi, giấy xin tạm ứng,

công lịch( giấy đi đường) hóa đơn..

#### *2.3.2.2 Tài khoản sử dụng*

Tài khoản 334 – “Phải trả người lao động”. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thanh toán với công nhân viên của doanh nghiệp về tiền lương, tiền công, trợ cấp BHXH, tiền thưởng và các khoản khác thuộc về thu nhập của người lao động.

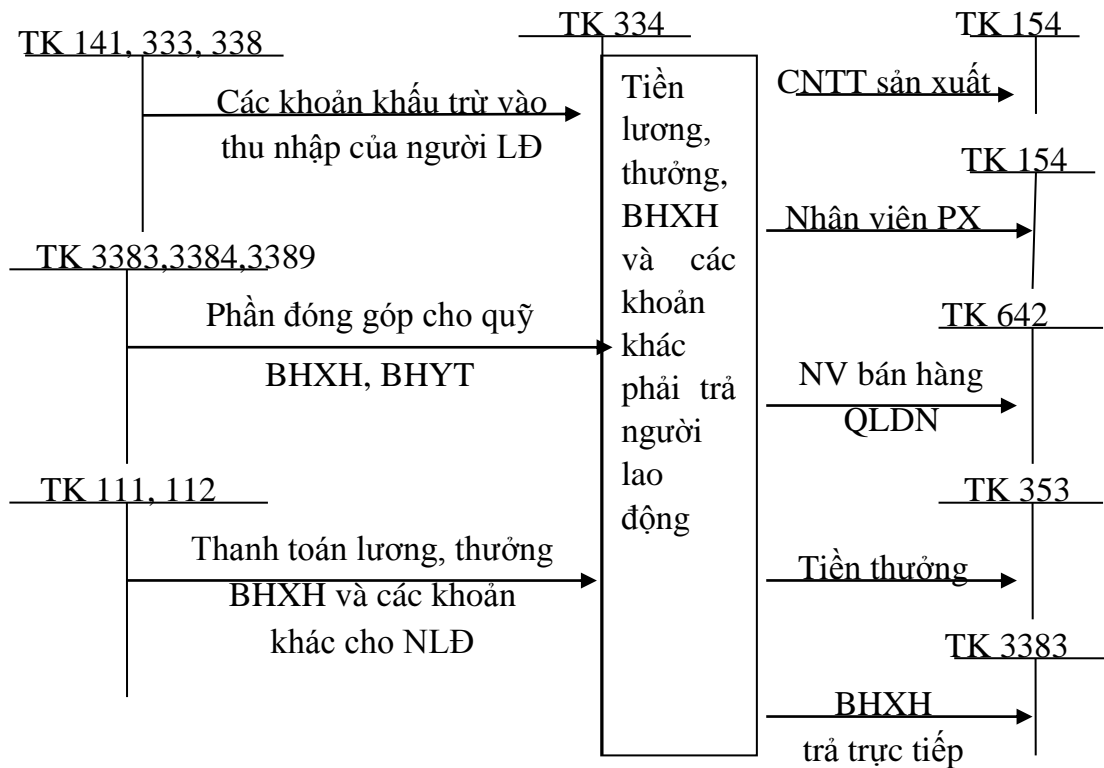
### Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 334	Có
<p>Các khoản khấu trừ vào tiền công, tiền lương của người lao động</p> <p>Tiền lương, tiền công và các khoản khác đã trả cho người lao động.</p> <p>Kết chuyển tiền lương người LĐ chưa lĩnh.</p>		<p>Tiền lương, tiền công, BHXH và các khoản khác phải trả cho người lao động thực tế phát sinh trong kỳ.</p>
<p><b>Số dư Nợ (nếu có):</b> Số trả thừa cho người lao động.</p>		<p><b>Số dư Có:</b> Tiền lương, tiền công và các khoản khác còn phải trả cho người lao động.</p>

#### 2.3.2.3 Trình tự hạch toán

Kế toán tổng hợp tiền lương và các khoản thanh toán với người lao động thể hiện qua sơ đồ 2.1

**Sơ đồ 2. 1: Kế toán tổng hợp tiền lương và các khoản thanh toán với người lao động.**



## 2.4 Quỹ BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ

### 2.4.1 Quỹ BHXH

Theo quy định tại điều 3 Luật Bảo hiểm xã hội: Bảo hiểm xã hội là sự đảm bảo hay bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, mất việc, hết tuổi lao động hoặc chết, trên cơ sở đóng quỹ bảo hiểm xã hội.

Quỹ BHXH được hình thành do việc trích lập theo tỷ lệ quy định là trên tiền lương phải trả cho công nhân viên trong kỳ. Theo chế độ hiện hành, hàng tháng doanh nghiệp tiến hành trích lập quỹ BHXH theo tỷ lệ 25,5% trên tổng số tiền lương thực tế phải trả công nhân viên trong tháng, trong đó : 17,5% tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của các đối tượng sử dụng lao động, 8% trừ vào lương của người lao động.

Quỹ BHXH được trích lập tạo ra nguồn vốn tài trợ cho người lao động trong trường hợp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động. Thực chất của BHXH là giúp mọi người đảm bảo về mặt xã hội để người lao động có thể duy trì và ổn định cuộc sống khi gặp khó khăn, rủi ro khiến họ bị mất sức lao động tạm thời hay vĩnh viễn.

Tại doanh nghiệp, hàng tháng doanh nghiệp trực tiếp chi trả BHXH cho công nhân viên bị ốm đau, thai sản, ... trên cơ sở các chứng từ hợp lệ. Cuối tháng, doanh nghiệp quyết toán với cơ quan quản lý quỹ BHXH.

#### *2.4.2 Quỹ BHYT*

Quỹ BHYT được hình thành từ việc trích lập theo tỷ lệ quy định trên tiền lương phải trả CNV trong kỳ. Doanh nghiệp trích quỹ BHYT theo tỷ lệ 4,5% trên tổng số tiền lương thực tế phải trả CNV trong tháng, trong đó 3% tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của các đối tượng sử dụng lao động, 1,5% trừ vào lương của người lao động.

BHYT là một khoản trợ cấp cho việc phòng chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho người lao động. Cơ quan bảo hiểm sẽ thanh toán về chi phí khám chữa bệnh theo tỷ lệ nhất định mà nhà nước quy định cho những người đã tham gia đóng bảo hiểm.

Theo chế độ hiện hành, toàn bộ lên cơ quan chuyên trách về y tế dưới hình thức mua BHYT nhằm phục vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho người lao động như khám chữa bệnh và điều trị bệnh. Chi trả chi phí khám chữa bệnh cho các đối tượng tham gia BHYT được hưởng theo quy định hiện hành của Nhà nước và các đối tượng chính sách như người có công với cách mạng và trẻ em dưới 6 tuổi.

#### *2.4.3 Quỹ BHTN*

Là khoản tiền do người lao động và người sử dụng lao động đóng góp cộng cùng một phần hỗ trợ của nhà nước. Quỹ chung để hỗ trợ người lao động khi họ bị mất việc làm. Đây là một chính sách mới của nhà nước góp phần ổn định đời sống và hỗ trợ cho người lao động được học nghề và tìm việc làm, sớm đưa họ trở lại làm việc.

Theo Luật Việc làm năm 2013 Quỹ BHTN (595/QĐ-BHXH và công văn 2159/BHXH-BT của BHXH Việt Nam áp dụng từ ngày 01/06/2017) được hình thành



từ các nguồn:

Từ người lao động: người lao động góp 1% tiền lương tháng. Từ người sử dụng lao động: DN đóng 1% Quỹ tiền lương tháng của những người lao động đang tham gia BHTN trong doanh nghiệp, được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Nhà nước hỗ trợ: Nhà nước hỗ trợ tối đa bằng 1% quỹ tiền lương đóng bảo hiểm thất nghiệp của người lao động tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ BHTN do cơ quan chuyên môn quản lý. Hàng tháng căn cứ vào quỹ lương doanh nghiệp trích nộp BHTN. Việc chi trả BHTN cho người lao động do tổ chức Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Việc làm năm 2013.

Để kích thích người lao động rèn luyện tay nghề, nâng cao trình độ, gắn bó lâu dài với công ty. Doanh nghiệp cần sử dụng có hiệu quả lực lượng lao động, hoàn thiện công tác tổ chức tiền lương và chế độ sử dụng quỹ BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ.

#### *2.4.4 Quỹ KPCĐ*

Kinh phí công đoàn là khoản tiền được trích lập theo tỷ lệ quy định trên tổng quỹ lương thực tế phải trả cho toàn bộ công nhân viên trong doanh nghiệp nhằm chăm lo, bảo vệ quyền lợi chính đáng cho người lao động đồng thời duy trì hoạt động của công đoàn tại doanh nghiệp.

Hàng tháng doanh nghiệp trích 2% kinh phí công đoàn trên tổng số tiền lương thực tế phải trả CNV trong tháng và tính toàn bộ vào chi phí sản xuất kinh doanh của các đối tượng sử dụng lao động.

Toàn bộ số kinh phí công đoàn trích được một phần nộp lên cơ quan công đoàn cấp trên, một phần để lại doanh nghiệp để chi tiêu cho hoạt động công đoàn tại doanh nghiệp. Kinh phí công đoàn được trích lập để phục vụ chi tiêu cho hoạt động của tổ chức công đoàn nhằm chăm lo, bảo vệ quyền lợi cho người lao động

### **2.5 Hạch toán các khoản trích theo lương**

#### *2.5.1 Chứng từ sử dụng*

- Bảng thanh toán bảo hiểm xã hội

- Bảng thanh toán lương
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Phiếu chi, UNC và một số hoá đơn, chứng từ khác

### 2.5.2 Tài khoản sử dụng

*Tài khoản 338 – “Phải trả và phải nộp khác”*: phản ánh các khoản phải trả và phải nộp cho cơ quan pháp luật, cho các tổ chức, đoàn thể xã hội, cho cấp trên về BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, doanh thu chưa thực hiện, các khoản khấu trừ vào lương theo quyết định của tòa án (tiền nuôi con khi ly dị, nuôi con ngoài giá thú, án phí,...), giá trị tài sản thừa chờ xử lý, các khoản vay mượn tạm thời, các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của phía đối tác, các khoản thu hộ, giữ hộ, ...

Kết cấu tài khoản

<b>Nợ</b>	<b>TK338</b>	<b>Có</b>
Các khoản đã nộp cho cơ quan quản lý các quỹ. Các khoản đã chi về KPCĐ. BHXH phải trả cho người lao động.		Trích KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN theo tỷ lệ quy định (32%). Các khoản được cấp về BHXH và KPCĐ.
<b>Số dư Nợ (nếu có):</b> Số tiền vượt chi chưa được thanh toán hoặc cấp bù.		<b>Số dư Có:</b> Số tiền trích các quỹ còn phải nộp, còn được chi.

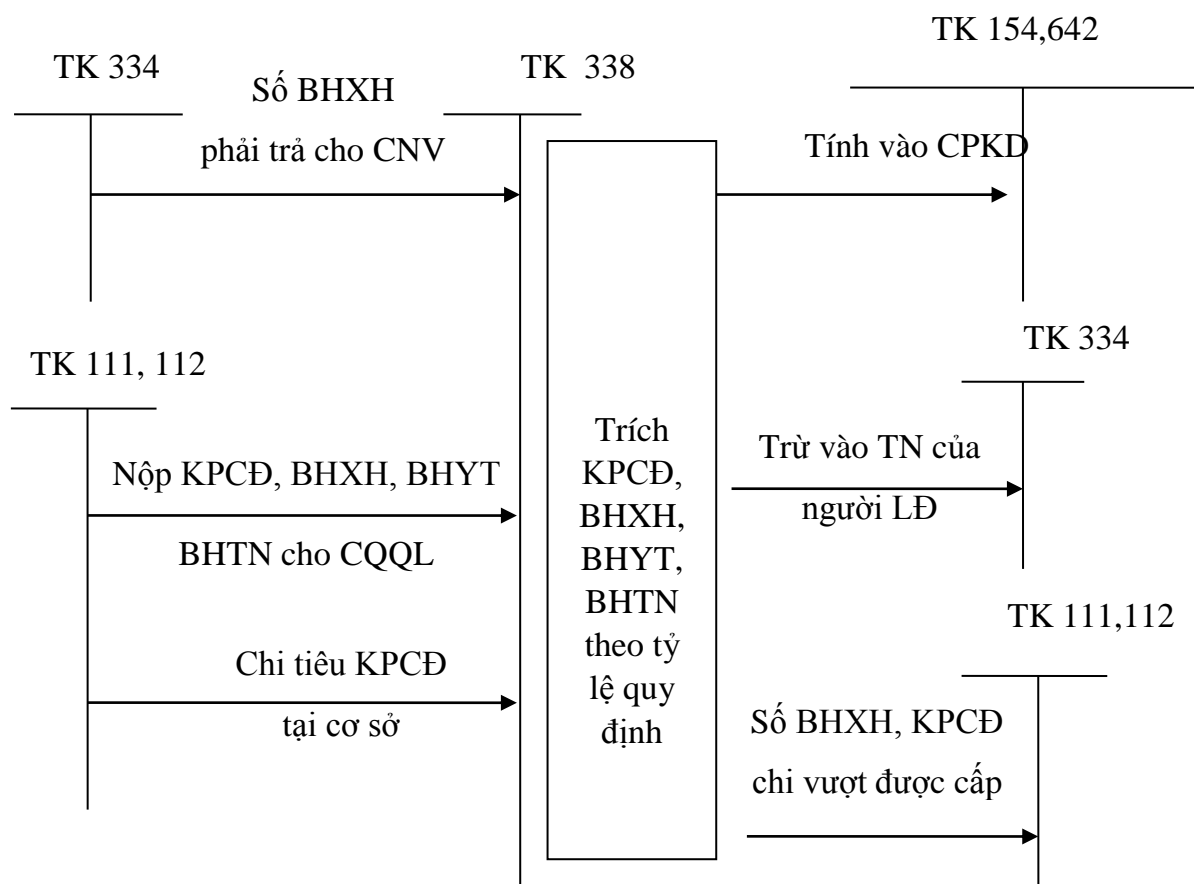
Với vai trò theo dõi các khoản trích theo tiền lương, TK 338 có 8 TK cấp 2:

- Tài khoản 3381 – Tài sản thừa chờ xử lý
- Tài khoản 3382 - Kinh phí công đoàn
- Tài khoản 3383 - Bảo hiểm xã hội
- Tài khoản 3384 - Bảo hiểm y tế
- Tài khoản 3385 - Bảo hiểm thất nghiệp
- Tài khoản 3386 – Nhận ký quỹ ,ký cược
- Tài khoản 3387 - Doanh thu chưa thực hiện

- Tài khoản 3388 - Phải trả, phải nộp khác

### 2.5.3. Trình tự hạch toán

#### Sơ đồ 2. 2: Kế toán tổng hợp thanh toán BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ



### 2.6. Sổ kế toán sử dụng trong kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương

- Trường hợp đơn vị áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung:
  - + Sổ tổng hợp : Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 334; Sổ cái TK 338
  - + Sổ chi tiết: Sổ chi tiết TK 3383;3384;3385;3382; sổ chi tiết TK 334
- Trường hợp đơn vị áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ:
  - + Nhật ký chứng từ;

- + Bảng kê;
- + Sổ Cái TK 334; Sổ cái TK 338
- + Sổ chi tiết TK 3383;3384;3385;3382; sổ chi tiết TK 334
- Trường hợp đơn vị áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:
  - + Chứng từ ghi sổ (CTGS);
  - + Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
  - + Sổ Cái TK 334; Sổ cái TK 338
  - + Sổ chi tiết TK 3383;3384;3385;3382; sổ chi tiết TK 334
- Trường hợp đơn vị áp dụng hình thức kế toán Nhật ký sổ Cái:
  - + Nhật ký - Sổ Cái;
  - + Sổ Cái TK 334; Sổ cái TK 338
  - + Sổ chi tiết TK 3383;3384;3385;3382; sổ chi tiết TK 334

**CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH LOTUSS FASHION VIỆT NAM**

**3.1. Đặc điểm lao động tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam**

**3.1.1. Đặc điểm về lao động**

Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam là một đơn vị thương mại và với quy mô vừa và nhỏ nên cơ cấu về số lượng lao động không lớn. Số lượng lao động phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty, đáp ứng được nhu cầu và phát huy tối đa bộ máy quản lý. Tình hình sử dụng lao động của Công ty được biểu hiện qua bảng 2.1 dưới đây.

**Bảng 3. 1: Cơ cấu lao động của công ty ( Tính đến ngày 31/03/2024 )**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số lượng (người)</b>	<b>Tỉ trọng(%)</b>
<b>I. PL theo trình độ</b>	14	100
1.Đại học	7	50,0
2.Cao đẳng	7	50,0
<b>II.PL theo bộ phận</b>	14	100,0
1. Ban giám đốc	1	7,1
2.Phòng kế toán	4	28,6
3.Phòng kinh doanh	6	42,9
4. Bộ phận kho	3	21,4
<b>III. PL theo giới tính</b>	14	100,0
1.Nam	6	42,9
2.Nữ	8	57,1

**Nhận xét:** Qua bảng 2.3 ta thấy, tính đến hết ngày 31/03/2024, tổng số lao động công ty có 14 người, trong đó

Về phân loại theo giới tính : lao động nam có 06 người chiếm 42,9% , lao động

nữ có 8 người chiếm 57,1%. Mức độ chênh lệch nam nữ khá đồng đều. Tuy nhiên với mô hình kinh doanh thương mại Công ty không đòi hỏi yêu cầu về giới tính đối với người lao động

*Về phân loại theo trình độ học vấn:* Cùng với sự phát triển của đất nước, người lao động ngày càng có trình độ học vấn cao. Mặc dù với mô hình kinh doanh thương mại văn phòng phẩm, bán sách, nhưng hiện tại công ty có nguồn nhân lực với trình độ khá tốt, điều này góp phần phát triển công ty một cách vững bền. Trong đó, lao động có trình độ đại học, gồm 7 lao động chiếm tỷ trọng 50 %, tiếp đó là lao động có trình độ cao đẳng gồm 7 lao động chiếm tỷ trọng 50%. Nhìn chung lao động có trình độ qua đào tạo cao đẳng, đại học đạt 100% hằng năm, điều này cho thấy công ty khá chú trọng trong công tác tuyển dụng lao động có trình độ.

*Về phân loại theo bộ phận :* Ban giám đốc có 1 người chiếm 7,1%; phòng kế toán có 4 người chiếm 28,6%; phòng kinh doanh chiếm 42,9 % với 6 người còn lại là bộ phận kho có 3 người chiếm 21,4%,

Nhìn chung với mô hình ngành nghề của Công ty, về phân loại lao động khá hợp lý, số lao động phòng ban cân bằng, phù hợp với doanh nghiệp thương mại. Công ty tập trung nguồn lực cho phòng kinh doanh và phòng quản lý kho giúp doanh nghiệp phát huy tối đa hoạt động bán hàng của đơn vị.

3.1.2. *Đặc điểm về tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam*

3.1.3. *Hình thức và chế độ tiền lương tại Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam*

**a. Đặc điểm về tiền lương**

Tiền lương chính được Công ty trả lương theo thời gian cho toàn bộ nhân viên Ngày công chế độ là 26 ngày/ tháng.

Công ty áp dụng chế độ ngày làm việc 8 giờ, và tuần làm việc 6 ngày (từ thứ hai cho tới hết ngày thứ bảy hàng tuần).

Tiền lương của từng người được tính như sau:

$$\text{Tiền lương} = \text{Lương thời gian} + \text{Phụ cấp (nếu có)} - \text{Các khoản khấu trừ}$$

*Trong đó:*

Lương thời gian tính theo số ngày thực tế công nhân viên đi làm:

$$\text{Lương thời gian phải trả} = \text{Lương cơ bản} \times \frac{\text{Số ngày làm việc thực tế}}{26}$$

Với: Lương cơ bản áp dụng theo từng chức vụ và nhân từng nhân viên ở từng bộ phận khác nhau

### **Hình thức trả lương theo doanh số**

Theo hình thức này, người lao động ngoài mức lương cơ bản nhận theo hình thức trả lương thời gian, còn tiền lương từ doanh số mà cá nhân đem lại cho công ty. Tiền lương theo doanh số này áp dụng cho toàn bộ nhân viên công ty nhằm khuyến khích thúc đẩy nhân viên đem lại khách hàng về cho Công ty .

Lương doanh số = Doanh số bán ra trong tháng x 1% + Thưởng thêm ( nếu có )

Tiền lương của từng người được tính như sau:

$$\text{Tiền lương} = \text{Lương thời gian} + \text{Phụ cấp (nếu có)} - \text{Các khoản khấu trừ} + \text{Lương doanh số}$$

### **b. Các khoản phụ cấp**

**Phụ cấp chức vụ:** Dùng để trợ cấp cho cấp bậc quản lý nhằm khuyến khích họ có trách nhiệm hơn với chức năng, quyền hạn quản lý của mình.

Công ty áp dụng chế độ phụ cấp chức vụ

$$\text{Phụ cấp chức vụ} = 10\% \times \text{Lương cơ bản}$$

**Phụ cấp ăn trưa:** Mỗi nhân viên được công ty trợ cấp tiền ăn trưa hằng ngày, để đảm bảo cho nhân viên buổi trưa có thể ở lại ăn trưa, và nghỉ ngơi tại công ty. Mức tính phụ cấp hàng tháng :

$$\text{Phụ cấp ăn trưa} = 25.000 \text{ VNĐ} \times \text{Ngày công đi làm}$$

**Phụ cấp xăng xe, điện thoại:** Để tạo điều kiện tốt nhất cho những nhân viên đi lại và thúc đẩy tăng doanh số, Công ty phụ cấp tiền xăng xe, điện thoại cho nhân viên hằng tháng với số tiền 500.000 đồng. Đây cũng là một phần phúc lợi, vừa tạo động lực cho nhân viên làm việc vừa khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với công ty *Chế độ và các khoản phúc lợi khác cho nhân viên*

Không chỉ những khoản thưởng đó, người lao động còn được thưởng vào những ngày lễ như 30/4, 1/5, Ngày Quốc khánh, tết Dương lịch và những ngày trọng đại của công ty.

Hàng tháng, công ty trả lương vào ngày cuối mỗi tháng.

### c. Tiền lương làm thêm

Tiền lương làm thêm giờ tại Công ty được tính theo luật lao động quy định

*Tiền lương làm thêm giờ = (Tiền lương giờ thực trả của công việc đang làm vào ngày làm việc bình thường) x (Mức ít nhất 150% hoặc 200% hoặc 300%) x (Số giờ làm thêm).*

Trong đó mức ít nhất bằng 150% so với đơn giá tiền lương sản phẩm của ngày làm việc bình thường, áp dụng đối với sản phẩm làm thêm vào ngày thường.

Mức ít nhất bằng 200% so với đơn giá tiền lương sản phẩm của ngày làm việc bình thường áp dụng đối với sản phẩm làm thêm vào ngày nghỉ hằng tuần.

Mức ít nhất bằng 300% so với đơn giá tiền lương sản phẩm của ngày làm việc bình thường áp dụng đối với sản phẩm làm thêm vào ngày nghỉ lễ, tết, ngày nghỉ có hưởng lương.

### d. Quy trình trả lương



Bước 1: Kế toán căn cứ vào thực tế ngày công đi làm của nhân viên, lập bảng chấm công

Bước 2 : Kế toán tổng hợp căn cứ vào bảng chấm công, và doanh số bán hàng của nhân viên phòng kinh doanh, lập bảng thanh toán tiền lương cho nhân viên

Bước 3 : Trình bảng thanh toán tiền lương đến kế toán trưởng, kế toán trưởng xem xét và trình Phó giám đốc công ty ký

Bước 4 : Sau khi Phó giám đốc Công ty ký, bảng thanh toán tiền lương được chuyển cho kế toán thanh toán, và kế toán thanh toán tiến hành thanh toán lương cho nhân viên bằng tiền mặt

e. Lấy ví dụ minh họa cách tính lương

**Biểu 3. 1: Bảng thanh toán tiền lương tháng 1/2024**

Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam															
Số 38, ngách 01, ngõ 129 phố Đại Linh, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam															
<b>BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG</b>															
Tháng 01 năm 2024															
TT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Lương cơ bản	Lương		Các khoản hỗ trợ				Lương doanh số	Tổng Lương	Bảo hiểm trừ vào lương	Tiền lương và thu nhập thực lĩnh	Ký tên	
				Số công	Số tiền	Phụ cấp chức vụ	Tiền ăn ca	Tiền xăng xe	Tổng hỗ trợ						Tổng cộng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
<b>I: BAN GIÁM ĐỐC</b>			<b>15.000.000</b>	<b>25</b>	<b>15.000.000</b>	<b>1.500.000</b>	<b>625.000</b>	<b>500.000</b>	<b>2.625.000</b>	<b>17.625.000</b>	<b>6.560.363</b>	<b>24.185.363</b>	<b>840.000</b>	<b>23.345.363</b>	
1	Nguyễn Tùng Lâm	GD	15.000.000	25	15.000.000	1.500.000	625.000	500.000	2.625.000	17.625.000	6.560.363	24.185.363	840.000	23.345.363	
<b>II: PHÒNG KẾ TOÁN</b>			<b>33.000.000</b>	<b>99</b>	<b>31.538.462</b>	<b>2.600.000</b>	<b>2.475.000</b>	<b>2.000.000</b>	<b>7.075.000</b>	<b>38.613.462</b>	<b>113.800</b>	<b>38.727.262</b>	<b>2.625.000</b>	<b>36.102.262</b>	
1	Nguyễn Thùy Linh	KTT	10.000.000	26	10.000.000	1.000.000	650.000	500.000	2.150.000	12.150.000	-	12.150.000	735.000	11.415.000	
2	Trần Phương Lan	NV	8.000.000	24	7.384.615	800.000	600.000	500.000	1.900.000	9.284.615	57.800	9.342.415	630.000	8.712.415	
3	Trần Thị Hoa	NV	8.000.000	25	7.692.308	800.000	625.000	500.000	1.925.000	9.617.308	56.000	9.673.308	630.000	9.043.308	
4	Nguyễn Thị Hiền	TK	7.000.000	24	6.461.538		600.000	500.000	1.100.000	7.561.538	-	7.561.538	630.000	6.931.538	
<b>III: BỘ PHẬN KHO</b>			<b>16.500.000</b>	<b>72</b>	<b>15.230.769</b>	<b>-</b>	<b>1.800.000</b>	<b>1.500.003</b>	<b>3.300.003</b>	<b>18.530.772</b>	<b>3.483.753</b>	<b>22.014.525</b>	<b>1.732.500</b>	<b>20.282.025</b>	
1	Hoàng Gia Bảo	NV	5.500.000	23	4.865.385		575.000	500.000	1.075.000	5.940.385	1.126.633	7.067.018	577.500	6.489.518	
2	Phạm Thị Linh	NV	5.500.000	24	5.076.923		600.000	500.001	1.100.001	6.176.924	1.254.560	7.431.484	577.500	6.853.984	
3	Nguyễn Anh Quân	NV	5.500.000	25	5.288.462		625.000	500.002	1.125.002	6.413.464	1.102.560	7.516.024	577.500	6.938.524	
<b>IV: BỘ PHẬN KINH DOANH</b>			<b>33.000.000</b>	<b>143</b>	<b>30.250.000</b>	<b>-</b>	<b>3.575.000</b>	<b>3.000.000</b>	<b>6.575.000</b>	<b>36.825.000</b>	<b>34.651.426</b>	<b>71.476.426</b>	<b>3.465.000</b>	<b>68.011.426</b>	
1	Nguyễn Văn Bắc	NV	5.500.000	22	4.653.846		550.000	500.000	1.050.000	5.703.846	5.468.966	11.172.812	577.500	10.595.312	
2	Nguyễn Thị Hà	NV	5.500.000	25	5.288.462		625.000	500.000	1.125.000	6.413.462	6.646.994	13.060.455	577.500	12.482.955	
3	Vũ Văn Đạt	NV	5.500.000	24	5.076.923		600.000	500.000	1.100.000	6.176.923	7.560.000	13.736.923	577.500	13.159.423	
4	Nguyễn Thị Tuyền	NV	5.500.000	24	5.076.923		600.000	500.000	1.100.000	6.176.923	5.266.566	11.443.489	577.500	10.865.989	
5	Đào Thị Quỳnh	NV	5.500.000	24	5.076.923		600.000	500.000	1.100.000	6.176.923	5.256.300	11.433.223	577.500	10.855.723	
6	Nguyễn Văn Đạt	NV	5.500.000	24	5.076.923		600.000	500.000	1.100.000	6.176.923	4.452.600	10.629.523	577.500	10.052.023	
<b>Tổng cộng:</b>			<b>97.500.000</b>	<b>339</b>	<b>92.019.231</b>	<b>4.100.000</b>	<b>8.475.000</b>	<b>7.000.003</b>	<b>19.575.003</b>	<b>111.594.234</b>	<b>44.809.342</b>	<b>156.403.576</b>	<b>8.662.500</b>	<b>147.741.076</b>	
Hà Nội, Ngày 31 Tháng 01 Năm 2024															
Người lập biểu						Kế toán trưởng						Giám đốc			

Nhân viên : Nguyễn Thùy Linh \_ Bộ phận kế toán \_ Chức vụ : Kế toán trưởng

Lương chính : 10.000.000 VNĐ

Phụ cấp trách nhiệm : 1.000.000 VNĐ

Ăn trưa : 25.000 VNĐ/ngày công đi làm

Tiền xăng xe : 500.000 VNĐ

Trong tháng 1/2024 đi làm đủ 26 ngày công và không phát sinh doanh số bán ra cho Công ty

Tổng lương =  $(10.000.000 / 26) * 26 + 25.000 \times 26 + 1.000.000 + 500.000 = 12.150.000$  VNĐ

#### 3.1.4. Đặc điểm quỹ lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam

Các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam bao gồm BHXH; BHYT; BHTN . Trong đó

Quỹ BHXH được hình thành do việc trích lập theo tỷ lệ quy định là trên tiền lương đóng bảo hiểm đã khai báo với cơ quan bảo hiểm. Theo chế độ hiện hành, hàng tháng doanh nghiệp tiến hành trích lập quỹ BHXH theo tỷ lệ 25,5% trên tổng số tiền lương đóng bảo hiểm, trong đó : 17,5% tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của các đối tượng sử dụng lao động, 8% trừ vào lương của người lao động

BHYT là một khoản trợ cấp cho việc phòng chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho người lao động. Cơ quan bảo hiểm sẽ thanh toán về chi phí khám chữa bệnh theo tỷ lệ nhất định mà nhà nước quy định cho những người đã tham gia đóng bảo hiểm.

Quỹ BHYT được hình thành từ việc trích lập theo tỷ lệ quy định trên tiền lương đóng bảo hiểm đã khai báo với cơ quan bảo hiểm. Doanh nghiệp trích quỹ BHYT theo tỷ lệ 4,5% trên tổng số tiền lương thực tế phải trả CNV trong tháng, trong đó 3% tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của các đối tượng sử dụng lao động, 1,5% trừ vào lương của người lao động.

BHTN Là khoản tiền do người lao động và người sử dụng lao động đóng góp cộng cùng một phần hỗ trợ của nhà nước. Quỹ chung để hỗ trợ người lao động khi họ

bị mất việc làm. Đây là một chính sách mới của nhà nước góp phần ổn định đời sống và hỗ trợ cho người lao động được học nghề và tìm việc làm, sớm đưa họ trở lại làm việc

Quỹ BHTN được trích từ người lao động: người lao động góp 1% tiền lương tháng. Từ người sử dụng lao động: DN đóng 1% Quỹ tiền lương tháng của những người lao động đang tham gia BHTN trong doanh nghiệp, được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Ví dụ cách tính BHXH; BHYT; BHTN

Nhân viên: Trần Phương Lan phòng kế toán

Lương chính : 8.000.000 đồng

Lương đóng bảo hiểm : 6.000.000 đồng

Mức trích BHXH; BHYT; BHTN hàng tháng:

BHXH doanh nghiệp đóng :  $6.000.000 \times 17,5\% = 876.330$  đồng

BHYT doanh nghiệp đóng :  $6.000.000 \times 3\% = 150.228$  đồng

BHTN doanh nghiệp đóng :  $6.000.000 \times 1\% = 50.076$  đồng

BHXH trừ vào lương :  $6.000.000 \times 8\% = 400.608$  đồng

BHYT trừ vào lương :  $6.000.000 \times 1,5\% = 75.114$  đồng

BHTN trừ vào lương :  $6.000.000 \times 1\% = 50.076$  đồng

Căn cứ minh họa

### **Biểu 3. 2: Bảng trích các khoản trích theo lương tháng 1/2024**

Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam

Số 38, ngách 01, ngõ 129 phố Đại Linh, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BẢNG TRÍCH BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ

Tháng 01 năm 2024

TT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Lương đóng bảo hiểm	Lương		Trích nộp BHXH, BHYT, BHTN trừ vào lương				BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ doanh nghiệp đóng			
				Số công	Số tiền	BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Tổng cộng	BHXH (17,5%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Tổng cộng
1	2	3	4	5	6	12	13	14	15	16	17	18	20
<b>I BAN GIÁM ĐỐC</b>			<b>8.000.000</b>	<b>25</b>	<b>8.000.000</b>	<b>640.000</b>	<b>120.000</b>	<b>80.000</b>	<b>840.000</b>	<b>1.400.000</b>	<b>240.000</b>	<b>80.000</b>	<b>1.720.000</b>
1	Nguyễn Tùng Lâm	GD	8.000.000	25	8.000.000	640.000	120.000	80.000	840.000	1.400.000	240.000	80.000	1.720.000
<b>II PHÒNG KẾ TOÁN</b>			<b>25.000.000</b>	<b>99</b>	<b>23.846.154</b>	<b>2.000.000</b>	<b>375.000</b>	<b>250.000</b>	<b>2.625.000</b>	<b>4.375.000</b>	<b>750.000</b>	<b>250.000</b>	<b>5.375.000</b>
1	Nguyễn Thùy Linh	KTT	7.000.000	26	7.000.000	560.000	105.000	70.000	735.000	1.225.000	210.000	70.000	1.505.000
2	Trần Phương Lan	NV	6.000.000	24	5.538.462	480.000	90.000	60.000	630.000	1.050.000	180.000	60.000	1.290.000
3	Trần Thị Hoa	NV	6.000.000	25	5.769.231	480.000	90.000	60.000	630.000	1.050.000	180.000	60.000	1.290.000
4	Nguyễn Thị Hiền	TK	6.000.000	24	5.538.462	480.000	90.000	60.000	630.000	1.050.000	180.000	60.000	1.290.000
<b>III: BỘ PHẬN KHO</b>			<b>16.500.000</b>	<b>72</b>	<b>15.230.769</b>	<b>1.320.000</b>	<b>247.500</b>	<b>165.000</b>	<b>1.732.500</b>	<b>2.887.500</b>	<b>495.000</b>	<b>165.000</b>	<b>3.547.500</b>
1	Hoàng Gia Bảo	NV	5.500.000	23	4.865.385	440.000	82.500	55.000	577.500	962.500	165.000	55.000	1.182.500
2	Phạm Thị Linh	NV	5.500.000	24	5.076.923	440.000	82.500	55.000	577.500	962.500	165.000	55.000	1.182.500
3	Nguyễn Anh Quân	NV	5.500.000	25	5.288.462	440.000	82.500	55.000	577.500	962.500	165.000	55.000	1.182.500
<b>IV BỘ PHẬN KINH DOANH</b>			<b>33.000.000</b>	<b>143</b>	<b>30.250.000</b>	<b>2.640.000</b>	<b>495.000</b>	<b>330.000</b>	<b>3.465.000</b>	<b>5.775.000</b>	<b>990.000</b>	<b>330.000</b>	<b>7.095.000</b>
1	Nguyễn Văn Bắc	NV	5.500.000	22	4.653.846	440.000	82.500	55.000	577.500	962.500	165.000	55.000	1.182.500
2	Nguyễn Thị Hà	NV	5.500.000	25	5.288.462	440.000	82.500	55.000	577.500	962.500	165.000	55.000	1.182.500
3	Vũ Văn Đạt	NV	5.500.000	24	5.076.923	440.000	82.500	55.000	577.500	962.500	165.000	55.000	1.182.500
4	Nguyễn Thị Tuyền	NV	5.500.000	24	5.076.923	440.000	82.500	55.000	577.500	962.500	165.000	55.000	1.182.500
5	Đào Thị Quỳnh	NV	5.500.000	24	5.076.923	440.000	82.500	55.000	577.500	962.500	165.000	55.000	1.182.500
6	Nguyễn Văn Đạt	NV	5.500.000	24	5.076.923	440.000	82.500	55.000	577.500	962.500	165.000	55.000	1.182.500
<b>Tổng cộng:</b>			<b>82.500.000</b>	<b>339</b>	<b>77.326.923</b>	<b>6.600.000</b>	<b>1.237.500</b>	<b>825.000</b>	<b>8.662.500</b>	<b>14.437.500</b>	<b>2.475.000</b>	<b>825.000</b>	<b>17.737.500</b>

Hà Nội, Ngày 31 Tháng 01 Năm 2024

Người lập biểu

Giám đốc

### 3.2. Thực trạng chứng từ và luân chuyển chứng từ tại Công ty.

#### 3.2.1. Chứng từ hạch toán lao động

##### a. Chứng từ sử dụng

- + Hợp đồng lao động
- + Hồ sơ lao động ( Sơ yếu lý lịch, hồ sơ xin việc)
- + Bảng chấm công

##### b. Quy trình luân chuyển chứng từ

Sau khi người lao động ký hợp đồng lao động với Công ty, Hợp đồng lao động và hồ sơ nhân viên được chuyển phòng kế toán lưu trữ làm căn cứ tính lương và các chế độ cho người lao động

Hàng ngày, nhân viên đi làm chấm công bằng bảng chấm công hằng ngày do bộ phận kế toán theo dõi. Đến cuối tháng phòng kế toán căn cứ vào bảng chấm công hằng ngày, tổng hợp ngày công đi làm của người lao động làm căn cứ hạch toán số lượng lao động trong tháng

### **3.2.2. Chứng từ kế toán tiền lương**

#### **a. Chứng từ sử dụng**

- + Bảng chấm công;
- + Bảng thanh toán tiền lương;
- + Bảng tổng hợp doanh số nhân viên bán ra trong tháng;
- + Các quyết định khen thưởng;
- + Bảng tạm ứng lương;
- + Báo cáo quyết toán thuế TNCN;
- + Các quyết định thôi việc, chấm dứt Hợp đồng;
- + Các hồ sơ, giấy tờ khác liên quan;

#### **b. Quy trình luân chuyển chứng từ**

Cuối tháng ,phòng kinh doanh lập báo cáo doanh số bán ra từng nhân viên sau đó chuyển qua phòng kế toán

Kế toán tổng hợp căn cứ bảng chấm công hằng ngày và báo cáo doanh số lập bảng thanh toán tiền lương cho nhân viên. Khi tính toán ra số tiền lương cụ thể, nhân viên kế toán sẽ đưa cho kế toán trưởng ký xác nhận và sau đó kế toán trưởng lại tiếp tục trình cho giám đốc là ký duyệt .

Bảng lương của công ty sẽ chuyển xuống cho bộ phận kế toán thanh toán, kế toán thanh toán phụ trách làm thủ tục chi trả tiền lương cho nhân viên

### **3.2.3. Chứng từ kế toán các khoản trích theo lương**

#### **a. Chứng từ sử dụng**

- + Bảng trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ;
- + Ủy nhiệm chi, giấy báo Có

- + Thông báo BHXH mẫu C12-TS
- + Mẫu 01B-HBS
- + Báo giảm lao động mẫu DO2-TS

**b. Quy trình luân chuyển chứng từ**

Hàng tháng, kế toán tổng hợp lập bảng trích các khoản bảo hiểm xã hội, BHYT; BHTN sau đó trình kế toán trưởng xem xét và ký duyệt. Sau khi kế toán trưởng ký xác nhận. Kế toán trưởng tiếp tục trình ký ban giám đốc

Bảng trích các khoản trích theo lương BHXH; BHYT; BHTN sẽ chuyển cho kế toán thanh toán làm căn cứ thanh toán cơ quan bảo hiểm

Trong trường hợp nhân viên trong Công ty ốm đau phải đi viện để hưởng chế độ trợ cấp ốm đau nhân viên Công ty cung cấp cho Kế toán tổng hợp giấy ra viện theo quy định của pháp luật. Kế toán tại công ty có trách nhiệm làm mẫu **01B-HBS** nộp cơ quan bảo hiểm để cơ quan bảo hiểm giải quyết chế độ cho người lao động

Trường hợp Công ty có nhân viên nghỉ chế độ nghỉ sinh ,để giải quyết thai sản Nhân viên nghỉ sinh phải có thời gian đóng bảo hiểm liên tiếp ít nhất 6 tháng trước thời gian nghỉ sinh và cung cấp bản sao giấy khai sinh hoặc bản sao giấy chứng sinh của con. Kế toán Công ty làm mẫu **Mẫu 01B-HBS** , **Báo giảm lao động mẫu DO2-TS** nộp cho cơ quan bảo hiểm

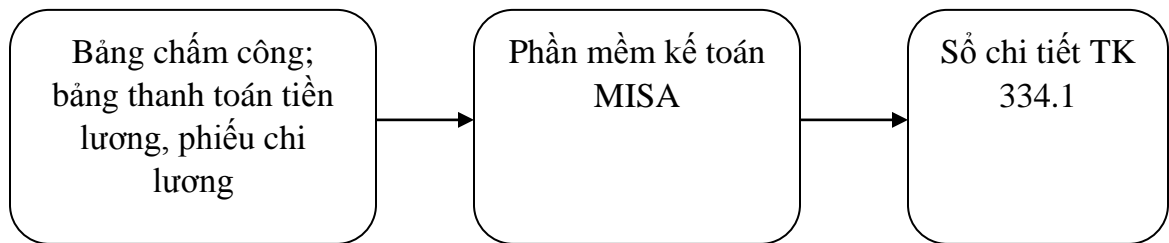
**3.3. Thực trạng kế toán tổng hợp tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty**

**3.3.1. Kế toán tổng hợp tiền lương**

*a. Tài khoản sử dụng*

Công ty sử dụng TK 334 “ Phải trả người lao động” và có 01 tài khoản chi tiết TK 3341 “ Phải trả công nhân viên”

*b. Quy trình ghi sổ*



### **Sơ đồ 3.1 : Sơ đồ quy trình ghi sổ chi tiết kế toán tiền lương**

Kế toán tổng hợp căn cứ bảng chấm công , bảng thanh toán tiền lương, phiếu chi lương nhập dữ liệu trên phần mềm kế toán Misa. Sau khi nhập liệu, kế toán kiểm tra và “Cất” dữ liệu, phần mềm sẽ tự động ghi sổ chi tiết TK 334; sổ nhật ký chung; sổ cái TK 334

Bảng thanh toán tiền lương ( **Phụ lục 9**)

Bảng chấm công ( **Phụ lục 12**)

Phiếu chi lương ( **Phụ lục 13**)

Sổ chi tiết TK 334 ( **Phụ lục 5**)

Sổ cái TK 334 ( **Phụ lục 6** )

Sổ nhật ký chung ( **Phụ lục 8** )

Căn cứ vào các chứng từ trên, kế toán hạch toán tiền lương tháng 01 năm 2024, tiền lương nhân viên Công ty 156.403.576 đồng như sau:

NỢ TK 6421: 156.403.576

CÓ TK 334 : 156.403.576

Căn cứ bảng tính lương, kế toán thanh toán viết phiếu chi lương cho nhân viên và ghi hạch toán ghi sổ:

NỢ TK 3341: 147.741.076

CÓ TK1111: 147.741.076

Bước 1: Đăng nhập phần mềm kế toán Misa, chọn phân hệ Tổng hợp, chọn Thêm chứng từ nghiệp vụ khác

The screenshot shows the Misa accounting software interface for creating a journal entry. The window title is "Chứng từ nghiệp vụ khác - CÔNG TY TNHH LOTUSS FASHION VIỆT NAM". The interface includes a menu bar with options like "Trước", "Sau", "Thêm", "Sửa", "Sửa nhanh", "Cắt", "Xóa", "Hoãn", "Ghi sổ", "Nạp", "Tiện ích", "Mẫu", "In", "Giúp", and "Đóng".

The main area is titled "Chứng từ nghiệp vụ khác" and contains a form with the following fields:

- Thông tin chung:**
  - Diễn giải: [Text input field]
  - Hạn thanh toán: [Dropdown menu]
  - Tham chiếu: [Text input field]
- Chứng từ:**
  - Ngày hạch toán: 08/04/2024
  - Ngày chứng từ: 08/04/2024
  - Số chứng từ: NVK00041

Below the form is a table with columns: "Diễn giải", "TK Nợ", "TK Có", "Số tiền", "Nghiệp vụ", "Đối tượng Nợ", and "Tên". The table is currently empty, with a status bar at the bottom indicating "Số dòng = 0" and a total value of "0".

Bước 2: Căn cứ chứng từ bảng thanh toán tiền lương, phiếu chi tiền lương kế toán nhập dữ liệu chi tiết và hạch toán



Chứng từ nghiệp vụ khác - CÔNG TY TNHH LOTUSS FASHION VIỆT NAM

Tìm kiếm trên: CÔNG TY TNHH LOTUSS FASHION VIỆT NAM

**Chứng từ nghiệp vụ khác**

**Thông tin chung**

Diễn giải:   
Hạn thanh toán:   
Tham chiếu:

**Chứng từ**

Ngày hạch toán:   
Ngày chứng từ:   
Số chứng từ:

**1. Hạch toán**    2. Thuế

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Nghiệp vụ	Đối tượng Nợ	Tên
Tính tiền lương cho nhân viên tháng 1/2	6421	334	156.403.576			
			156.403.576			

Số dòng = 1

Với bút toán chi lương bằng tiền mặt, kế toán sử dụng phân hệ “ Quỹ” chọn chứng từ “ Chi tiền”, và nhập hạch toán dữ liệu kế toán.

Phiếu chi - CÔNG TY TNHH LOTUSS FASHION VIỆT NAM

Trước    Sau    Thêm    Sửa    Sửa nhanh    Cắt    Xóa    Hoàn    Bỏ ghi    Nạp    Tiện ích    Mẫu    In    Giúp    Đóng

**Phiếu chi**

**Thông tin chung**

Đối tượng:       
Người nhận:   
Địa chỉ:   
Lý do chi:       
Nhân viên:     Kèm theo:  chứng từ gốc  
Tham chiếu:

**Chứng từ**

Ngày hạch toán:   
Ngày chứng từ:   
Số chứng từ:

**1. Hạch toán**    2. Thuế

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Nghiệp vụ	Đối tượng	Tên đối tượng
Thanh toán tiền lương tháng 1	334	1111	147.741.076		CVNV	Cán bộ nhân viên C
			147.741.076			

Số dòng = 1

Bước 3: Kiểm tra lại dữ liệu kế toán, sau đó nhấn “ Cắt” dữ liệu, phần mềm tự động ghi sổ nhật ký chung, sổ chi tiết TK liên quan

### 3.3.2. Kế toán tổng hợp các khoản trích theo lương

#### a. Tài khoản sử dụng

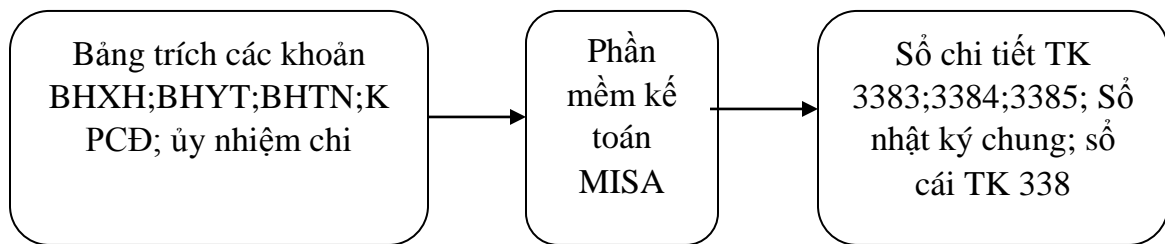
Công ty sử dụng tài khoản 338 “ Phải trả phải nộp khác” và mở sổ chi tiết thành các TK sau để phản ánh các khoản trích theo lương

TK 3383: “ Bảo hiểm xã hội”

TK 3384: “ Bảo hiểm y tế”

TK 3385: “ Bảo hiểm thất nghiệp”

#### b. Quy trình ghi sổ



#### Sơ đồ 3.2 : Sơ đồ quy trình ghi sổ chi tiết kế toán các khoản trích theo lương

Kế toán tổng hợp căn cứ Bảng trích các khoản BHXH; BHYT; BHTN; KPCĐ; ủy nhiệm chi nhập dữ liệu trên phần mềm kế toán Misa. Sau khi nhập liệu, kế toán kiểm tra và “Cất” dữ liệu, phần mềm sẽ tự động ghi sổ chi tiết các TK 3383; 3384; 3385; Sổ nhật ký chung; sổ cái TK 338

Bảng trích các khoản BHXH; BHYT; BHTN; KPCĐ ( **Phụ lục 10**)

Sổ chi tiết TK 3383 ( **Phụ lục 2**)

Sổ chi tiết TK 3384 ( **Phụ lục 3**)

Sổ chi tiết TK 3386 ( **Phụ lục 4**)

Sổ cái TK 338 ( **Phụ lục 7**)

Sổ nhật ký chung ( **Phụ lục 8**)

**Ví dụ** : Căn cứ bảng trích các khoản trích BHXH; BHYT; BHTN tháng 01/2024 bộ phận quản lý và bộ phận kinh doanh kế toán hạch toán như sau:

- Khoản trích BHXH; BHYT; BHTN tính vào chi phí

NỢ TK 6421: 17.737.500

CÓ TK 3383: 14.437.500

CÓ TK 3384: 2.475.000

CÓ TK 3385: 825.000

- Khoản trích BHXH; BHYT; BHTN trừ vào lương người lao động:

NỢ TK 334: 8.662.500

CÓ TK 3383: 6.600.000

CÓ TK 3384: 1.237.500

CÓ TK 3385: 825.000

Ví dụ: Trường hợp ngày 11/03/2024 tại Công ty có một nhân viên phòng kinh doanh là Nguyễn Văn Bắc nghỉ việc nhập viện do tai nạn trên đường đi làm về có 7 ngày nằm viện . Sau khi ra viện kế toán căn cứ giấy ra viện mà nhân viên đã cung cấp , tiến hành lập mẫu 01B-HSB nộp cơ quan bảo hiểm để giải quyết quyền lợi hưởng ốm đau cho nhân viên .

**Biểu 3.3 : Mẫu giấy ra viện**

BV:quân đội 108 **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**MS: 01/BV-01  
Khoa: CT\_CH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số lưu  
trữ:356893346  
Mã Y tế  
859/655/689/633

**GIẤY RA VIỆN**

- Họ tên người bệnh: Nguyễn Văn Bắc
- Ngày/tháng/năm sinh: 12/06/1995 (Tuổi 30); Nam/nữ: Nam
- Dân tộc: Kinh Nghề nghiệp: Văn phòng
- Mã số BHXH/Thẻ BHYT số 2516024357 859655689633
- Địa chỉ: Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Vào viện lúc: 7 giờ 15 phút, ngày 11 tháng 03 năm 2024
- Ra viện lúc: 15 giờ 30 .phút, ngày 19 tháng 03 năm 2024
- Chẩn đoán : Chấn thương phần mềm cơ chân, tay
- Phương pháp điều trị: Điều trị nội trú theo giám sát
- Ghi chú:

.....  
*Ngày 19 tháng 03 năm 2024*

**Thủ trưởng đơn vị**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

*Ngày 19 tháng 03 năm 2024*

**Trưởng khoa**

Họ tên.....

**Biểu 3. 4: Trích mẫu 01B-HSB****Mẫu 01B-HSB**

Tên cơ quan (đơn vị): Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam

Mã đơn vị: TM1184

Số Điện thoại:

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ GIẢI QUYẾT HƯỞNG CHẾ ĐỘ ỐM ĐAU, THAI SẢN,****DUỠNG SỨC, PHỤC HỒI SỨC KHỎE**

Số hiệu tài khoản: 6888822662999 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội

**PHẦN 1: DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHẾ ĐỘ MỚI PHÁT SINH**

STT	Họ và tên	Số sổ BHXH/ Số định danh	Số ngày nghỉ được tính hưởng trợ cấp			Số tài khoản nhận trợ cấp	Chỉ tiêu xác định điều kiện, mức hưởng	Ghi c
			Từ ngày	Đến ngày	Tổng số			
A	B	1	4	5	6	C	D	
A	<b>CHẾ ĐỘ ỐM ĐAU</b>							
I	<b>Bản thân ốm thường</b>							
1	Nguyễn Văn Bắc	125868956	11/03	19/03	7	6888822662999 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội		
B	<b>CHẾ ĐỘ THAI SẢN</b>							
...								
III	<b>Sinh con, nuôi con nuôi</b>							
-	<i>Trường hợp thông thường</i>							
...								

Nhận được giấy báo có của ngân hàng , Bảo hiểm xã hội thanh toán tiền ốm đau cho nhân viên kế toán hạch toán

Nợ TK 1121 : 1.203.125 đồng

Có TK 3383 : 1.203.125 đồng

Sau khi nhận được tiền bảo hiểm do cơ quan bảo hiểm thanh toán , kế toán viết phiếu chi trả tiền bảo hiểm cho nhân viên

Nợ TK 3383 : 1.203.125 đồng

Có TK 1111 : 1.203.125 đồng

Căn cứ bảng trích BHXH; BHYT; BHTN và các chứng từ trên, kế toán ghi nhận trên phần mềm kế toán Misa như sau:

Bước 1: Đăng nhập phần mềm kế toán Misa



Bước 2 : Đối với bút toán tính BHXH, BHYT, BHTN , chọn phân hệ tổng hợp, chọn chứng từ nghiệp vụ khác, sau đó nhập chứng từ chi tiết



Với bút toán thanh toán tiền ốm đau, thai sản cho người lao động, kế toán chọn phân hệ quỹ, chọn chứng từ chi tiền mặt, sau đó nhập chứng từ chi tiết

Phiếu chi - CÔNG TY TNHH LOTUSS FASHION VIỆT NAM

Trước Sau Thêm Sửa Sửa nhanh Cắt Xóa Hoàn Bỏ ghi Nạp Tiện ích Mẫu In Giúp Đóng

**Phiếu chi**

**Thông tin chung**

Đối tượng: NV\_BAC NGUYỄN VĂN BÁC  
 Người nhận: NGUYỄN VĂN BÁC  
 Địa chỉ:  
 Lý do chi: Chi khác Thanh toán tiền chế độ ốm đau  
 Nhân viên: Kèm theo chứng từ gốc  
 Tham chiếu:

**Chứng từ**

Ngày hạch toán: 26/03/2024  
 Ngày chứng từ: 26/03/2024  
 Số chứng từ: PC000156

1. Hạch toán		2. Thuế							
Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Nghiệp vụ	Đối tượng	Tên đối tượng			
Thanh toán tiền chế độ ốm đau	3383	1111	1.203.125		NV_BAC	NGUYỄN VĂN BÁC			
Số dòng = 1			1.203.125						

Bước 3 : Kiểm tra lại dữ liệu kế toán và nhấn “ Cắt dữ liệu”. Sau khi cắt số liệu phần mềm tự ghi nhận sổ chi tiết TK 338



## **CHƯƠNG 4: PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ VÀ CÁC GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY LOTUSS FASHION VIỆT NAM**

### **4.1 Một số nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán tại Công ty**

**Thứ nhất : Công ty có đội ngũ lãnh đạo và công tác quản lý hoạt động hợp lý, được thể hiện:**

Công ty có đội ngũ lãnh đạo, quản lý có năng lực, có bề kinh nghiệm trong chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh cùng với đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề, được trang bị hệ thống máy tính hiện đại.

Đội ngũ lãnh đạo đã xây dựng một chế độ lương, thưởng khá phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh tại công ty như:

Xây dựng chế độ tiền lương theo doanh số cho nhân viên, trợ cấp cho nhân viên tiền ăn trưa, tiền xăng xe đi lại... Điều này cho thấy ban lãnh đạo rất quan tâm đời sống nhân viên, giúp người lao động gắn bó lâu dài với công ty.

#### **Thứ hai: Về hệ thống kế toán của công ty**

Hệ thống sổ sách của công ty được mở theo đúng quy định của Bộ tài chính, cập nhật và ghi chép đầy đủ các sổ sách chi tiết hợp lệ với các sổ tổng hợp và báo cáo tài chính.

Bộ máy kế toán của công ty làm việc tích cực và có sự phân công rõ ràng, đồng thời chịu trách nhiệm về phần việc của mình được giao.

Hệ thống chứng từ kế toán trong kế toán tiền lương và các nghiệp vụ khác trong công ty được tổ chức một cách hợp lý, tuân thủ theo đúng nguyên tắc ghi chép, luân chuyển chứng từ của chế độ kế toán hiện hành. Các chứng từ kế toán được lập đầy đủ, được ghi chép, theo dõi và kiểm tra thường xuyên.

Bộ máy kế toán được tổ chức phù hợp với yêu cầu của công ty và phù hợp với hình thức kế toán nhật ký chung của công ty. Công ty đã lắp đặt hệ thống máy tính

hiện đại và hệ thống internet thuận tiện cho việc đối chiếu sổ sách và cập nhật kịp thời những thông tư nghị định về kế toán mới nhất

Hình thức kế toán: Công ty hiện đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, một loại hình hạch toán không những phù hợp với quy mô của công ty mà còn rất thuận tiện cho việc cơ giới hóa tính toán, đảm bảo tính toán nhanh chóng, chính xác. Việc tập hợp các chứng từ và luân chuyển chứng từ, sổ sách nhìn chung là đầy đủ, kịp thời nó giúp việc hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương được đầy đủ, nhanh chóng và chính xác.

## **4.2 Đánh giá về công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại**

### **Công ty**

#### **4.2.1 Ưu điểm**

**Thứ nhất: Về công tác hạch toán kế toán lao động tiền lương và các khoản trích theo lương**

Công tác hạch toán kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương do đội ngũ cán bộ chuyên sâu có kinh nghiệm đảm nhiệm, nên việc hạch toán đảm bảo đầy đủ, kịp thời,... theo pháp lệnh quy định.

Thực hiện trích nộp đầy đủ các quỹ BHXH, BHYT, BHTN là thực hiện tốt nghĩa vụ của công ty đối với Nhà nước.

Việc phản ánh tiền lương và các khoản trích theo lương kịp thời, đầy đủ đã giúp cho công ty phân tích tình hình lao động và thu nhập của từng bộ phận trong công ty, từ đó, công ty có kế hoạch điều phối và bố trí lao động hợp lý, khoa học tạo tiền đề cho việc nâng cao năng suất lao động, khuyến khích sự sáng tạo tăng thu nhập cao cho công ty và thu nhập cá nhân.

Phương pháp hạch toán kế toán nói chung và kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương nói riêng nhìn chung là hợp lý, đúng khoản, đúng theo qui định hiện hành.

**Thứ hai: Công tác thanh toán tiền lương cho người lao động**

Việc thanh toán tiền lương, tiền thưởng kịp thời, linh hoạt không xảy ra tình trạng chậm lương, nợ lương của người lao động nên đã tạo được sự tin tưởng vào khả năng tài chính của công ty.

Bên cạnh những ưu điểm nổi bật như vậy công ty cũng gặp phải nhiều khó khăn hạn chế cần khắc phục hoàn thiện dần.

#### **4.2.2. Nhược điểm**

##### **Thứ nhất : Về chính trả lương theo thời gian**

Việc trả lương theo thời gian có thể dẫn đến tình trạng người lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, làm nhiều mà lương vẫn không đúng với năng lực làm việc của họ.

Nếu các nhân viên làm việc không nhiệt tình thì thời gian giải quyết công việc sẽ kéo dài ,chưa khuyến khích người lao động làm việc tích cực. Mặt khác khi đó sẽ dẫn đến tình trạng không phát huy được tác dụng của tiền lương đóng vai trò đòn bẩy kinh tế kích thích người lao động phát huy năng lực ,sáng tạo vào trong công việc.

##### **Thứ hai: Phương thức thanh toán các khoản trợ cấp BHXH cho người lao động**

Các khoản giải quyết ốm đau hay thai sản cho người lao động hiện tại được trả qua tài khoản của công ty mà không trả thẳng qua tài khoản cá nhân người lao động , điều này tăng phần công việc cho bộ phận kế toán, theo dõi các khoản BHXH này.

##### **Thứ ba: Trang thiết bị tại Công ty**

Hiện nay, việc chấm công cho người lao động, vẫn được công ty thực hiện thủ công. Hàng tháng kế toán sẽ in bảng chấm công và đặt vị trí dễ theo dõi tại các phòng ban. Công tác chấm công của công ty được thực hiện một kế toán viên trong văn phòng công ty bằng việc quan sát hàng ngày sau đó gửi cho kế toán tiền lương làm căn cứ tính lương cho người lao động. Việc chấm công lao động như vậy chưa được chính xác và hiệu quả, chưa phản ánh đúng tinh thần trách nhiệm cũng như thái độ của người lao động với công việc, làm hạn chế tính công bằng. Cụ thể, người lao động tuy đầy đủ

nhưng lại đi chậm về trễ không đảm bảo giờ công làm việc nhưng vẫn được tính 1 ngày công. Đối với việc quản lý nhân viên công ty cần đầu tư trang thiết bị hiện đại hơn như máy chấm công nhân viên đảm bảo quản lý nhân viên một cách chặt chẽ

#### **Thứ tư : Về công tác tổ chức chứng từ kế toán**

Tại công ty, chứng từ kế toán được luân chuyển qua các phòng ban nhằm đảm bảo đầy đủ phê duyệt của cán bộ có liên quan.Tuy nhiên bên cạnh đó một số phiếu chứng từ chưa có đủ chữ ký người có liên quan, điều này sẽ ảnh hưởng đến phân công trách nhiệm nếu có vấn đề xảy ra.

#### **Thứ năm: Tổ chức công đoàn tại Công ty**

Hiện tại công ty có 14 nhân viên, nhưng công ty chưa trích kinh phí công đoàn cho người lao động.

### **4.3 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty**

**Thứ nhất :** Để áp dụng hình thức trả lương có hiệu quả, lãnh đạo công ty cần phải có biện pháp quản lý chặt chẽ thời gian và sử dụng thời gian làm việc của nhân viên trong phòng để tránh tình trạng đi làm đầy đủ ngày công theo chế độ là được hưởng lương mà không cần phải cố gắng trong công việc.

**Thứ hai :** Việc giáo dục ý thức trách nhiệm cho người lao động cần thực hiện trong toàn công ty đảm bảo sự thống nhất có sự phân cấp.Tổ chức chỉ đạo các lãnh đạo , quản lý cấp dưới phổ biến nội dung, phương hướng hoạt động ,quy chế, nội quy của công ty.Việc tuyên truyền giáo dục ý thức trách nhiệm khi được đưa ra từ cấp trên xuống phải được cụ thể xuống cấp dưới , tránh tình trạng phổ biến không rõ ràng , khó hiểu.

**Thứ ba :** Công ty cần không ngừng nâng cao thể lực cho người lao động như phải đảm bảo thời gian làm việc, giảm thiểu thời gian hao phí lao động.Thực hiện quy định về thời gian nghỉ phép, ốm đau. Đảm bảo chế độ dinh dưỡng cho người lao động

tại công ty. Tạo ra không khí thoải mái tại nơi làm việc, từ đó sẽ giúp người lao động làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả hơn.

**Thứ tư :** Công ty nên chia quỹ lương thành quỹ riêng, tách biệt với khoản quỹ khác, để đảm bảo chiến lược dòng tiền, đảm bảo trong tương lai không có trường hợp phát sinh trả lương muộn cho nhân viên

**Thứ năm :** Công ty nên lập quỹ cho nhân viên tạm ứng lương hàng tháng. Để giải quyết khó khăn hiện thời của nhân viên, công ty nên lập quỹ hỗ trợ vay trước cho những nhân viên đang gặp tình trạng khó khăn về tài chính, sau đó nhân viên sẽ trả vào lương những tháng sau . Điều này thể hiện sự quan tâm của công ty đối với người lao động. Nên quan tâm , động viên chia sẻ nhiều hơn đối với người lao động

Kế toán luôn theo sát, và trình ký nhằm đảm bảo chứng từ đúng quy định pháp luật

**Thứ sáu:** Để giảm thiểu công việc, cùng với đánh giá chính xác được giờ giấc đi làm nhân viên, Công ty nên đầu tư thêm máy chấm công. Hằng ngày nhân viên đi làm sẽ chấm công qua máy mà không cần sự quan sát của một nhân viên nào đó. Từ đó đưa ra chính sách thưởng phạt rõ ràng trong công ty, tăng hiệu quả công việc

**Thứ bảy:** Thành lập công đoàn nhân viên, giúp toàn thể nhân viên các mặt như đời sống tinh thần, gia đình, gắn kết tập thể...

## **CHƯƠNG 5: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **5.1 Tóm tắt khóa luận tốt nghiệp**

Trong bài khóa luận tốt nghiệp đề tài “ Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam” đã chỉ ra các lý luận về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

Chương 1: Vấn đề nghiên cứu

Trình bày khái quát tổng quan về Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam về quá trình hình thành và phát triển của Công ty, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý và bộ máy kế toán tại đơn vị

Đưa ra mục tiêu nghiên cứu đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu và phạm vi đối tượng nghiên cứu đề tài cùng với phương pháp thực hiện nghiên cứu

Chương 2: Cơ sở lý luận về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại các doanh nghiệp

Trình bày lý luận chung về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại các doanh nghiệp bao gồm

Khái niệm và ý nghĩa tiền lương, các hình thức tiền lương. Trình bày kế toán chi tiết tiền lương như hạch toán số lượng lao động, kết quả lao động và hạch toán tiền lương lao động

Trình bày các khoản trích theo lương bao gồm ý nghĩa và tỷ lệ trích theo quy định hiện hành

Trình bày lý luận về chứng từ sử dụng, tài khoản sử dụng, chứng từ sử dụng và trình tự hạch toán kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương

Chương 3 : Thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam

Trong chương này, trình bày thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty trong quý 1/2024 bao gồm đặc điểm về lao động, phương thức trả lương cho nhân viên, các nghiệp vụ phát sinh về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam và đưa ra dẫn chứng cụ thể

Chương 4: Phân tích đánh giá và các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam

Trong chương 4: Trình bày nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán tại đơn vị và đưa ra những ưu điểm, hạn chế về công tác kế toán tiền lương và khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam từ đó đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện Công tác kế toán tiền lương và khoản trích theo lương tại Công ty

Chương 5: Kết luận và kiến nghị

Đưa ra kết luận về bài khóa luận kết toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam

Đưa ra kiến nghị về phía nhà nước và doanh nghiệp nhằm hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương trong doanh nghiệp nói chung và tại Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam nói riêng

## **5.2 Kết luận**

Trong điều kiện phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường như hiện nay đòi hỏi công tác kế toán cần phải được hoàn thiện hơn để phù hợp với sự vận động của nền kinh tế, từ đó đáp ứng tốt vai trò của kế toán đối với công tác quản lý. Đối với mỗi doanh nghiệp, bộ phận kế toán phải vận dụng linh hoạt, hợp lý chế độ kế toán vào doanh nghiệp mình để thực hiện hoạch toán kế toán nói chung, kế toán tiền lương nói riêng một cách đúng đắn và đem lại hiệu quả tốt nhất.

Trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội của mọi quốc gia đặc biệt là trong nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần của Việt Nam, tiền lương – lao động luôn tồn tại song song và có mối quan hệ rất chặt chẽ, khăng khít với nhau, mối quan hệ tương hỗ, qua lại: lao động sẽ quyết định mức lương, còn mức lương sẽ tác động đến mức sống của người lao động.

Nhận thức rõ được điều này, Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam đã sử dụng tiền lương và các khoản trích theo lương như là một đòn bẩy, một công cụ hữu hiệu nhất để quản lý và khuyến khích nâng cao chất lượng sản phẩm, năng xuất lao động của cán bộ công nhân viên. Để từ đó hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty luôn đạt được ở mức cao nhất, đồng thời thu nhập của công nhân viên ngày càng ổn định và tăng thêm.

Với khả năng và thời gian còn hạn chế, tuy rằng bản thân đã có nhiều cố gắng học hỏi, tìm tòi nhưng khóa luận này không thể không tránh khỏi những sai sót. Do vậy em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của thầy giáo hướng dẫn cùng toàn thể các

cán bộ nhân viên trong Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam và các bạn sinh viên đề khóa luận tốt nghiệp này được hoàn thiện hơn

### **5.3 Kiến nghị**

#### **Về phía Nhà nước**

Nhà nước có vai trò vô cùng quan trọng trong điều kiện thực hiện giải pháp:

Thứ nhất, Nhà nước phải dựa vào văn bản pháp lý quyết định và hướng dẫn các tổ chức kinh tế thực hiện. Bước đầu các hệ thống quy phạm pháp luật, các hệ thống văn bản phải soạn thảo và ban hành một cách thống nhất, kịp thời, đơn giản, dễ hiểu, và đặc biệt phải phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay của các doanh nghiệp về cả quy mô và năng lực để các doanh nghiệp có thể thực hiện theo tinh thần hướng dẫn của Nhà nước.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh kinh tế nhiều biến động sau thảm kịch Covid, các doanh nghiệp cũng mong muốn nhận được sự giúp đỡ cũng như tạo điều kiện từ phía Nhà nước để có thể yên tâm hoạt động kinh doanh và thực hiện các quy chế của Nhà nước. Do vậy, Nhà nước cần có những chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp đặc biệt đối với những đơn vị đang gặp nhiều khó khăn về tài chính do những tác động không dự đoán được trước mang lại.

Hơn nữa, nhà nước cần tạo sự bình đẳng và công bằng nhất giữa các doanh nghiệp trong việc tuân thủ các chính sách đã ban hành. Bên cạnh đó cần có chính sách rõ ràng đối với các doanh nghiệp về việc thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước. Cùng với đó, Nhà nước cũng cần thực hiện kiểm tra, quản lý chặt chẽ với doanh nghiệp về thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

#### **Về phía doanh nghiệp**

Để duy trì, ổn định và phát triển trong Công ty trong thời gian tới, tôi có một số kiến nghị như sau:

1. Công ty cần có những chính sách khen thưởng động viên kịp thời, cần phải quan tâm hơn nữa về vấn đề cuộc sống cho người lao động tạo môi trường làm việc để người lao động muốn gắn kết lâu dài với doanh nghiệp



2. Công ty phải thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ thuật chuyên môn cho cán bộ công nhân viên.

3. Công ty phải luôn áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào công tác tài chính, kế toán. Để giúp cho bộ máy kế toán trong Công ty ngày càng hoàn thiện và làm việc có hiệu quả.

4. Công ty phải luôn luôn đổi mới, trang thiết bị cơ sở vật chất, kỹ thuật và mở rộng thị trường, để Công ty có được một vị trí vững chắc trong thị trường hiện nay.

## PHỤ LỤC

### Phụ lục 1: Trích bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội tháng 1/2024

**Đơn vị: Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam**  
**Địa chỉ: Số 38, ngách 01, ngõ 129 phố Đại Linh, Phường Trung Văn,**  
**Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**

**Mẫu số: 11- LĐTL**

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
 Ngày 22/ 12 /2014 của Bộ trưởng BTC)

#### BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

*Ngày 31 tháng 01 năm 2024*

Ghi có TK  Ghi nợ TK	Lương cơ bản	TK 334- Phải trả người lao động				TK 338- Phải trả, phải nộp khác				Tổng cộng
		Lương thời gian	Phụ cấp	Các khoản khác	Cộng có TK 334	BHXH 17.5%	BHYT 3%	BHTN 1%	Cộng Có TK 338	
<b>TK 6411- Bộ phận KD</b>	<b>33.000.000</b>	<b>30.250.000</b>	<b>6.575.000</b>	<b>34.651.426</b>	<b>36.825.000</b>	<b>5.775.000</b>	<b>990.000</b>	<b>330.000</b>	<b>7.095.000</b>	<b>43.920.000</b>
Phòng kinh doanh	33.000.000	30.250.000	6.575.000	34.651.426	36.825.000	5.775.000	990.000	330.000	7.095.000	43.920.000
<b>TK 6421- Bộ phận QL</b>	<b>64.500.000</b>	<b>61.769.231</b>	<b>13.000.003</b>	<b>10.157.916</b>	<b>84.927.150</b>	<b>8.662.500</b>	<b>1.485.000</b>	<b>495.000</b>	<b>10.642.500</b>	<b>95.569.650</b>
Ban giám đốc	15.000.000	15.000.000	2.625.000	6.560.363	24.185.363	1.400.000	240.000	80.000	1.720.000	25.905.363
Phòng kế toán	33.000.000	31.538.462	7.075.000	113.800	38.727.262	4.375.000	750.000	250.000	5.375.000	44.102.262
Bộ phận kho	16.500.000	15.230.769	3.300.003	3.483.753	22.014.525	2.887.500	495.000	165.000	3.547.500	25.562.025
<b>TK 334</b>	<b>97.500.000</b>	<b>92.019.231</b>	<b>19.575.003</b>	<b>44.809.342</b>	<b>121.752.150</b>					
<b>TK 3383</b>						<b>14.437.500</b>	<b>2.475.000</b>	<b>825.000</b>	<b>17.737.500</b>	
<b>Cộng</b>	<b>97.500.000</b>	<b>92.019.231</b>	<b>19.575.003</b>	<b>44.809.342</b>	<b>121.752.150</b>					

Người lập bảng

Kế toán trưởng

## Phụ lục 2: Trích sổ chi tiết tài khoản 3383

CÔNG TY TNHH LOTUSS FASHION VIỆT NAM

Số 38, ngách 01, ngõ 129 phố Đại Linh, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 3383; Quý 1 năm 2024

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
31/01/2024	31/01/2024	NVK00011	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	3383	334		6.600.000		6.600.000
31/01/2024	31/01/2024	NVK00012	Tiền BHXH; BHYT;BHTN tính vào chi phí doanh nghiệp	3383	6421		14.437.500		21.037.500
05/02/2024	05/02/2024	UNC00056	Nộp bảo hiểm tháng 2 năm 2024	3383	1121	21.037.500			
28/02/2024	28/02/2024	NVK00027	Tiền BHXH; BHYT;BHTN tính vào chi phí doanh nghiệp	3383	6421		14.437.500		14.437.500
28/02/2024	28/02/2024	NVK00029	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	3383	334		6.600.000		21.037.500
08/03/2024	08/03/2024	UNC00095	Nộp bảo hiểm tháng 3 năm 2024	3383	1121	21.037.500			
26/03/2024	26/03/2024	NTTK00105	Tiền giải quyết chế độ ốm đau	3383	1121		1.203.125		1.203.125
26/03/2024	26/03/2024	PC00156	Thanh toán tiền chế độ ốm đau	3383	1111	1.203.125			
31/03/2024	31/03/2024	NVK00035	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	3383	334		6.600.000		6.600.000

31/03/2024	31/03/2024	NVK00036	Tiền BHXH; BHYT;BHTN tính vào chi phí doanh nghiệp	3383	6421		14.437.500		21.037.500
			Cộng	3383		43.278.125	64.315.625		
			Số dư cuối kỳ	3383					21.037.500

Ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

### Phụ lục 3: Trích sổ chi tiết TK 3384

CÔNG TY TNHH LOTUSS FASHION VIỆT NAM

Số 38, ngách 01, ngõ 129 phố Đại Linh, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 3384; Quý 1 năm 2024

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
31/01/2024	31/01/2024	NVK00011	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	3384	334		1.237.500		1.237.500
31/01/2024	31/01/2024	NVK00012	Tiền BHXH; BHYT;BHTN tính vào chi phí doanh nghiệp	3384	6421		2.475.000		3.712.500
05/02/2024	05/02/2024	UNC00056	Nộp bảo hiểm tháng 2 năm 2024	3384	1121	3.712.500			
28/02/2024	28/02/2024	NVK00027	Tiền BHXH; BHYT;BHTN tính vào chi phí doanh nghiệp	3384	6421		2.475.000		2.475.000
28/02/2024	28/02/2024	NVK00029	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	3384	334		1.237.500		3.712.500
08/03/2024	08/03/2024	UNC00095	Nộp bảo hiểm tháng 3 năm 2024	3384	1121	3.712.500			
31/03/2024	31/03/2024	NVK00035	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	3384	334		1.237.500		1.237.500
31/03/2024	31/03/2024	NVK00036	Tiền BHXH; BHYT;BHTN tính vào chi phí doanh nghiệp	3384	6421		2.475.000		3.712.500
			Cộng	3384		7.425.000	11.137.500		
			Số dư cuối kỳ	3384					3.712.500

Ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

#### Phụ lục 4: Trích sổ chi tiết TK 3385

CÔNG TY TNHH LOTUSS FASHION VIỆT NAM

Số 38, ngách 01, ngõ 129 phố Đại Linh, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 3385; Quý 1 năm 2024

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
31/01/2024	31/01/2024	NVK00011	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	3385	334		825.000		825.000
31/01/2024	31/01/2024	NVK00012	Tiền BHXH; BHYT;BHTN tính vào chi phí doanh nghiệp	3385	6421		825.000		1.650.000
05/02/2024	05/02/2024	UNC00056	Nộp bảo hiểm tháng 2 năm 2024	3385	1121	1.650.000			
28/02/2024	28/02/2024	NVK00027	Tiền BHXH; BHYT;BHTN tính vào chi phí doanh nghiệp	3385	6421		825.000		825.000
28/02/2024	28/02/2024	NVK00029	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	3385	334		825.000		1.650.000
08/03/2024	08/03/2024	UNC00095	Nộp bảo hiểm tháng 3 năm 2024	3385	1121	1.650.000			
31/03/2024	31/03/2024	NVK00035	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	3385	334		825.000		825.000
31/03/2024	31/03/2024	NVK00036	Tiền BHXH; BHYT;BHTN tính vào chi phí doanh nghiệp	3385	6421		825.000		1.650.000
			Cộng	3385		3.300.000	4.950.000		
			Số dư cuối kỳ	3385					1.650.000

Ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

## Phụ lục 5: Sổ chi tiết TK 334

CÔNG TY TNHH LOTUSS FASHION VIỆT NAM

Số 38, ngách 01, ngõ 129 Phố Đại Linh, Phường Trung Vãn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 334; Quý 1 năm 2024

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
31/01/2024	31/01/2024	NVK00010	Tính tiền lương cho nhân viên tháng 1/2024	334	6421		156.403.576		156.403.576
31/01/2024	31/01/2024	NVK00011	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	334	3383	6.600.000			149.803.576
31/01/2024	31/01/2024	NVK00011	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	334	3384	1.237.500			148.566.076
31/01/2024	31/01/2024	NVK00011	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	334	3385	825.000			147.741.076
31/01/2024	31/01/2024	PC00054	Thanh toán tiền lương tháng 1	334	1111	147.741.076			
28/02/2024	28/02/2024	NVK00028	Tính tiền lương cho nhân viên tháng 2/2024	334	6421		128.946.663		128.946.663
28/02/2024	28/02/2024	NVK00029	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	334	3383	6.600.000			122.346.663
28/02/2024	28/02/2024	NVK00029	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	334	3384	1.237.500			121.109.163
28/02/2024	28/02/2024	NVK00029	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	334	3385	825.000			120.284.163

29/02/2024	29/02/2024	PC00106	Thanh toán tiền lương nhân viên tháng 2	334	1111	120.284.163			
31/03/2024	31/03/2024	NVK00034	Tính tiền lương cho nhân viên tháng 3/2024	334	6421		168.756.200		168.756.200
31/03/2024	31/03/2024	NVK00035	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	334	3384	1.237.500			167.518.700
31/03/2024	31/03/2024	NVK00035	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	334	3385	825.000			166.693.700
31/03/2024	31/03/2024	NVK00035	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	334	3383	6.600.000			160.093.700
31/03/2024	31/03/2024	PC00164	Thanh toán tiền lương nhân viên tháng 2	334	1111	160.093.700			
			Cộng	334			454.106.439	454.106.439	
			Số dư cuối kỳ	334					

Ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



## Phụ lục 6: Trích sổ cái TK 334

CÔNG TY TNHH LOTUSS FASHION VIỆT NAM

Số 38, ngách 01, ngõ 129 phố Đại Linh, Phường Trung Văn,  
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-  
BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

### SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Quý 1 năm 2024

Tài khoản: 334 - Phải trả người lao động

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
31/01/2024	NVK00010	31/01/2024	Tính tiền lương cho nhân viên tháng 1/2024			6421		156.403.576
31/01/2024	NVK00011	31/01/2024	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào			3383	6.600.000	
31/01/2024	NVK00011	31/01/2024	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào			3384	1.237.500	
31/01/2024	NVK00011	31/01/2024	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào			3385	825.000	
31/01/2024	PC00054	31/01/2024	Thanh toán tiền lương tháng 1			1111	147.741.076	
28/02/2024	NVK00028	28/02/2024	Tính tiền lương cho nhân viên tháng 2/2024			6421		128.946.663
28/02/2024	NVK00029	28/02/2024	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên			3383	6.600.000	
28/02/2024	NVK00029	28/02/2024	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên			3384	1.237.500	
28/02/2024	NVK00029	28/02/2024	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên			3385	825.000	
29/02/2024	PC00106	29/02/2024	Thanh toán tiền lương nhân viên tháng 2			1111	120.284.163	
31/03/2024	NVK00034	31/03/2024	Tính tiền lương cho nhân viên tháng 3/2024			6421		168.756.200
31/03/2024	NVK00035	31/03/2024	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào			3383	6.600.000	

31/03/2024	NVK00035	31/03/2024	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên			3384	1.237.500	
31/03/2024	NVK00035	31/03/2024	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên			3385	825.000	
31/03/2024	PC00164	31/03/2024	Thanh toán tiền lương nhân viên tháng 2			1111	160.093.700	
			- Cộng số phát sinh				454.106.439	454.106.439
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				454.106.439	454.106.439

- Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang số 01 đến

- Ngày mở sổ: .....

Ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

## Phụ lục 7: Trích sổ cái TK 338

CÔNG TY TNHH LOTUSS FASHION VIỆT NAM

Số 38, ngách 01, ngõ 129 phố Đại Linh, Phường Trung Văn, Quận  
Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số  
133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

### SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Quý 1 năm 2024

Tài khoản: 338 - Phải trả, phải nộp khác

Đơn vị tính:

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
31/01/2024	NVK00011	31/01/2024	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên			334		8.662.500
31/01/2024	NVK00012	31/01/2024	Tiền BHXH; BHYT;BHTN tính vào chi phí doanh nghiệp			6421		17.737.500
05/02/2024	UNC00056	05/02/2024	Nộp bảo hiểm tháng 2 năm 2024			1121	26.400.000	
28/02/2024	NVK00027	28/02/2024	Tiền BHXH; BHYT;BHTN tính vào chi phí doanh nghiệp			6421		17.737.500
28/02/2024	NVK00029	28/02/2024	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên			334		8.662.500
08/03/2024	UNC00095	08/03/2024	Nộp bảo hiểm tháng 3 năm 2024			1121	26.400.000	
26/03/2024	NTTK00105	26/03/2024	Tiền giải quyết chế độ ốm đau			1121		1.203.125
26/03/2024	PC00156	26/03/2024	Thanh toán tiền chế độ ốm đau			1111	1.203.125	
31/03/2024	NVK00035	31/03/2024	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên			334		8.662.500
31/03/2024	NVK00036	31/03/2024	Tiền BHXH; BHYT;BHTN tính vào chi phí doanh nghiệp			6421		17.737.500
			- Cộng số phát sinh				54.003.125	80.403.125
			- Số dư cuối kỳ					26.400.000
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				54.003.125	80.403.125

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Phụ lục 8: Sổ nhật ký chung**

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

**Quý 1 năm 2024**

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
31/01/2024	31/01/2024	NVK00010	Tính tiền lương cho nhân viên tháng 1/2024	6421	334	156.403.576	0
31/01/2024	31/01/2024	NVK00010	Tính tiền lương cho nhân viên tháng 1/2024	334	6421	0	156.403.576
31/01/2024	31/01/2024	NVK00011	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	334	3383	6.600.000	0
31/01/2024	31/01/2024	NVK00011	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	3383	334	0	6.600.000
31/01/2024	31/01/2024	NVK00011	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	334	3384	1.237.500	0
31/01/2024	31/01/2024	NVK00011	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	3384	334	0	1.237.500
31/01/2024	31/01/2024	NVK00011	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	334	3385	825.000	0
31/01/2024	31/01/2024	NVK00011	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	3385	334	0	825.000
31/01/2024	31/01/2024	NVK00012	Tiền BHXH; BHYT;BHTN tính vào chi phí doanh nghiệp	6421	3383	14.437.500	0
31/01/2024	31/01/2024	NVK00012	Tiền BHXH; BHYT;BHTN tính vào chi phí doanh nghiệp	3383	6421	0	14.437.500
31/01/2024	31/01/2024	NVK00012	Tiền BHXH; BHYT;BHTN tính vào chi phí doanh nghiệp	6421	3384	2.475.000	0

31/01/2024	31/01/2024	NVK00012	Tiền BHXH; BHYT;BHTN tính vào chi phí doanh nghiệp	3384	6421	0	2.475.000
31/01/2024	31/01/2024	NVK00012	Tiền BHXH; BHYT;BHTN tính vào chi phí doanh nghiệp	6421	3385	825.000	0
31/01/2024	31/01/2024	NVK00012	Tiền BHXH; BHYT;BHTN tính vào chi phí doanh nghiệp	3385	6421	0	825.000
31/01/2024	31/01/2024	PC00054	Thanh toán tiền lương tháng 1	334	1111	147.741.076	0
31/01/2024	31/01/2024	PC00054	Thanh toán tiền lương tháng 1	1111	334	0	147.741.076
05/02/2024	05/02/2024	UNC00056	Nộp bảo hiểm tháng 2 năm 2024	3385	1121	1.650.000	0
05/02/2024	05/02/2024	UNC00056	Nộp bảo hiểm tháng 2 năm 2024	1121	3385	0	1.650.000
05/02/2024	05/02/2024	UNC00056	Nộp bảo hiểm tháng 2 năm 2024	3383	1121	21.037.500	0
05/02/2024	05/02/2024	UNC00056	Nộp bảo hiểm tháng 2 năm 2024	1121	3383	0	21.037.500
05/02/2024	05/02/2024	UNC00056	Nộp bảo hiểm tháng 2 năm 2024	3384	1121	3.712.500	0
05/02/2024	05/02/2024	UNC00056	Nộp bảo hiểm tháng 2 năm 2024	1121	3384	0	3.712.500
28/02/2024	28/02/2024	NVK00027	Tiền BHXH; BHYT;BHTN tính vào chi phí doanh nghiệp	6421	3383	14.437.500	0
28/02/2024	28/02/2024	NVK00027	Tiền BHXH; BHYT;BHTN tính vào chi phí doanh nghiệp	3383	6421	0	14.437.500
28/02/2024	28/02/2024	NVK00027	Tiền BHXH; BHYT;BHTN tính vào chi phí doanh nghiệp	6421	3384	2.475.000	0
28/02/2024	28/02/2024	NVK00027	Tiền BHXH; BHYT;BHTN tính vào chi phí doanh nghiệp	3384	6421	0	2.475.000
28/02/2024	28/02/2024	NVK00027	Tiền BHXH; BHYT;BHTN tính vào chi phí doanh nghiệp	6421	3385	825.000	0
28/02/2024	28/02/2024	NVK00027	Tiền BHXH; BHYT;BHTN tính vào chi phí doanh nghiệp	3385	6421	0	825.000
28/02/2024	28/02/2024	NVK00028	Tính tiền lương cho nhân viên tháng	6421	334	128.946.663	0

			2/2024				
28/02/2024	28/02/2024	NVK00028	Tính tiền lương cho nhân viên tháng 2/2024	334	6421	0	128.946.663
28/02/2024	28/02/2024	NVK00029	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	334	3383	6.600.000	0
28/02/2024	28/02/2024	NVK00029	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	3383	334	0	6.600.000
28/02/2024	28/02/2024	NVK00029	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	334	3384	1.237.500	0
28/02/2024	28/02/2024	NVK00029	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	3384	334	0	1.237.500
28/02/2024	28/02/2024	NVK00029	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	334	3385	825.000	0
28/02/2024	28/02/2024	NVK00029	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	3385	334	0	825.000
29/02/2024	29/02/2024	PC00106	Thanh toán tiền lương nhân viên tháng 2	334	1111	120.284.163	0
29/02/2024	29/02/2024	PC00106	Thanh toán tiền lương nhân viên tháng 2	1111	334	0	120.284.163
08/03/2024	08/03/2024	UNC00095	Nộp bảo hiểm tháng 3 năm 2024	3385	1121	1.650.000	0
08/03/2024	08/03/2024	UNC00095	Nộp bảo hiểm tháng 3 năm 2024	1121	3385	0	1.650.000
08/03/2024	08/03/2024	UNC00095	Nộp bảo hiểm tháng 3 năm 2024	3383	1121	21.037.500	0
08/03/2024	08/03/2024	UNC00095	Nộp bảo hiểm tháng 3 năm 2024	1121	3383	0	21.037.500
08/03/2024	08/03/2024	UNC00095	Nộp bảo hiểm tháng 3 năm 2024	3384	1121	3.712.500	0
08/03/2024	08/03/2024	UNC00095	Nộp bảo hiểm tháng 3 năm 2024	1121	3384	0	3.712.500
26/03/2024	26/03/2024	NTTK00105	Tiền giải quyết chế độ ốm đau	1121	3383	1.203.125	0
26/03/2024	26/03/2024	NTTK00105	Tiền giải quyết chế độ ốm đau	3383	1121	0	1.203.125
26/03/2024	26/03/2024	PC00156	Thanh toán tiền chế độ ốm đau	3383	1111	1.203.125	0
26/03/2024	26/03/2024	PC00156	Thanh toán tiền chế độ ốm đau	1111	3383	0	1.203.125

31/03/2024	31/03/2024	NVK00034	Tính tiền lương cho nhân viên tháng 3/2024	6421	334	168.756.200	0
31/03/2024	31/03/2024	NVK00034	Tính tiền lương cho nhân viên tháng 3/2024	334	6421	0	168.756.200
31/03/2024	31/03/2024	NVK00035	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	334	3383	6.600.000	0
31/03/2024	31/03/2024	NVK00035	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	3383	334	0	6.600.000
31/03/2024	31/03/2024	NVK00035	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	334	3384	1.237.500	0
31/03/2024	31/03/2024	NVK00035	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	3384	334	0	1.237.500
31/03/2024	31/03/2024	NVK00035	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	334	3385	825.000	0
31/03/2024	31/03/2024	NVK00035	Tiền BHXH; BHYT;BHTN trừ vào lương nhân viên	3385	334	0	825.000
31/03/2024	31/03/2024	NVK00036	Tiền BHXH; BHYT;BHTN tính vào chi phí doanh nghiệp	6421	3383	14.437.500	0
31/03/2024	31/03/2024	NVK00036	Tiền BHXH; BHYT;BHTN tính vào chi phí doanh nghiệp	3383	6421	0	14.437.500
31/03/2024	31/03/2024	NVK00036	Tiền BHXH; BHYT;BHTN tính vào chi phí doanh nghiệp	6421	3384	2.475.000	0
31/03/2024	31/03/2024	NVK00036	Tiền BHXH; BHYT;BHTN tính vào chi phí doanh nghiệp	3384	6421	0	2.475.000
31/03/2024	31/03/2024	NVK00036	Tiền BHXH; BHYT;BHTN tính vào chi phí doanh nghiệp	6421	3385	825.000	0
31/03/2024	31/03/2024	NVK00036	Tiền BHXH; BHYT;BHTN tính vào chi phí doanh nghiệp	3385	6421	0	825.000

31/03/2024	31/03/2024	PC00164	Thanh toán tiền lương nhân viên tháng 2	334	1111	160.093.700	0
31/03/2024	31/03/2024	PC00164	Thanh toán tiền lương nhân viên tháng 2	1111	334	0	160.093.700
Số dòng = 264						11.016.631.628	11.016.631.628



**BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG**  
Tháng 01 năm 2024

TT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Lương cơ bản	Lương			Các khoản hỗ trợ						Lương doanh số	Tổng Lương	Bảo hiểm trả vào lương	Tiền lương và thu nhập thực lĩnh	Ký tên
				Số công	Số tiền	Phụ cấp chức vụ	Tiền ăn ca	Tiền xăng xe	Tổng hỗ trợ	Tổng cộng	12	13					
<b>I. BAN GIÁM ĐỐC</b>																	
1	Nguyễn Tùng Lâm	GD	15.000.000	25	15.000.000	1.500.000	625.000	500.000	2.625.000	2.625.000	17.625.000	6.560.363	24.185.363	840.000	23.345.363		
<b>II. PHÒNG KẾ TOÁN</b>																	
1	Nguyễn Thùy Linh	KIT	33.000.000	99	31.538.462	2.600.000	2.475.000	2.000.000	7.075.000	38.613.462	113.800	38.727.262	2.625.000	36.102.262			
2	Trần Phương Lan	NV	8.000.000	24	7.384.615	800.000	600.000	500.000	1.900.000	9.284.615	57.800	9.342.415	630.000	8.712.415			
3	Trần Thị Hoa	NV	8.000.000	24	7.692.308	800.000	625.000	500.000	1.925.000	9.617.308	56.000	9.673.308	630.000	9.043.308			
4	Nguyễn Thị Hiền	TK	7.000.000	24	6.461.538		600.000	500.000	1.100.000	7.561.538	-	7.561.538	630.000	6.931.538			
<b>III. BỘ PHẬN KHO</b>																	
1	Hoàng Gia Bảo	NV	16.500.000	72	15.230.769		1.800.000	1.500.003	3.300.003	18.530.772	3.483.753	22.014.525	1.732.500	20.282.025			
2	Phạm Thị Linh	NV	5.500.000	23	4.865.385		575.000	500.000	1.075.000	5.940.385	1.126.633	7.067.018	577.500	6.489.518			
3	Nguyễn Anh Quân	NV	5.500.000	24	5.076.923		600.000	500.001	1.100.001	6.176.924	1.254.560	7.431.484	577.500	6.853.984			
<b>IV. BỘ PHẬN KINH DOANH</b>																	
1	Nguyễn Văn Bắc	NV	33.000.000	143	30.250.000		3.575.000	3.000.000	6.575.000	36.825.000	34.651.426	71.476.426	3.465.000	68.011.426			
2	Nguyễn Thị Hà	NV	5.500.000	22	4.653.846		550.000	500.000	1.050.000	5.703.846	5.468.966	11.172.812	577.500	10.595.312			
3	Vũ Văn Đạt	NV	5.500.000	25	5.288.462		625.000	500.000	1.125.000	6.413.462	6.646.994	13.060.455	577.500	12.482.955			
4	Nguyễn Thị Tuyền	NV	5.500.000	24	5.076.923		600.000	500.000	1.100.000	6.176.923	7.560.000	13.736.923	577.500	13.159.423			
5	Đào Thị Quỳnh	NV	5.500.000	24	5.076.923		600.000	500.000	1.100.000	6.176.923	5.266.566	11.443.489	577.500	10.865.989			
6	Nguyễn Văn Đạt	NV	5.500.000	24	5.076.923		600.000	500.000	1.100.000	6.176.923	4.452.600	10.629.523	577.500	10.052.023			
Tổng cộng:			97.500.000	339	92.019.231	4.100.000	8.475.000	7.000.003	19.575.003	111.594.234	44.809.342	156.403.576	8.662.500	147.741.076			

Người lập biểu  
Trần Phương Lan

Kế toán trưởng  
Nguyễn Thùy Linh

Hà Nội, Ngày 31 Tháng 01 Năm 2024  
  
 Nguyễn Tùng Lâm

**Phụ lục 10: Bảng trích BHXH; BHYT; BHTN tháng 1/2024**

Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam  
Số 38, ngách 01, ngõ 129 phố Đại Linh, Phường Trung Yên, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢNG TRÍCH BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ**  
Tháng 01 năm 2024

TT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Lương đồng bảo hiểm	Lương		Trích nộp BHXH, BHYT, BHTN trừ vào lương				BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ doanh nghiệp						
				Số công	Số tiền	BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Tổng công	BHXH (17,5%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Tổng công			
<b>I. BAN GIÁM ĐỐC</b>																
1	Nguyễn Tùng Lâm	GD	8.000.000	25	8.000.000	640.000	120.000	80.000	840.000	1.400.000	240.000	80.000	1.720.000			
<b>II. PHÒNG KẾ TOÁN</b>																
1	Nguyễn Thủy Linh	KTT	7.000.000	99	23.846.154	2.000.000	375.000	250.000	2.625.000	4.375.000	750.000	250.000	5.375.000			
2	Trần Phương Lan	NV	6.000.000	24	5.538.462	480.000	90.000	60.000	630.000	1.050.000	180.000	60.000	1.290.000			
3	Trần Thị Hoa	NV	6.000.000	25	5.769.231	480.000	90.000	60.000	630.000	1.050.000	180.000	60.000	1.290.000			
4	Nguyễn Thị Hiền	TK	6.000.000	24	5.538.462	480.000	90.000	60.000	630.000	1.050.000	180.000	60.000	1.290.000			
<b>III. BỘ PHẬN KHO</b>																
1	Hoàng Gia Bảo	NV	5.500.000	23	4.865.385	440.000	82.500	55.000	577.500	962.500	165.000	55.000	1.182.500			
2	Phạm Thị Linh	NV	5.500.000	24	5.076.923	440.000	82.500	55.000	577.500	962.500	165.000	55.000	1.182.500			
3	Nguyễn Anh Quân	NV	5.500.000	25	5.288.462	440.000	82.500	55.000	577.500	962.500	165.000	55.000	1.182.500			
<b>IV. BỘ PHẬN KHUYA</b>																
1	Nguyễn Văn Bắc	NV	33.000.000	143	30.250.000	2.640.000	495.000	330.000	3.465.000	5.775.000	990.000	330.000	7.095.000			
2	Nguyễn Thị Hà	NV	5.500.000	22	4.653.846	440.000	82.500	55.000	577.500	962.500	165.000	55.000	1.182.500			
3	Vũ Văn Đạt	NV	5.500.000	25	5.288.462	440.000	82.500	55.000	577.500	962.500	165.000	55.000	1.182.500			
4	Nguyễn Thị Tuyền	NV	5.500.000	24	5.076.923	440.000	82.500	55.000	577.500	962.500	165.000	55.000	1.182.500			
5	Đào Thị Quỳnh	NV	5.500.000	24	5.076.923	440.000	82.500	55.000	577.500	962.500	165.000	55.000	1.182.500			
6	Nguyễn Văn Đạt	NV	5.500.000	24	5.076.923	440.000	82.500	55.000	577.500	962.500	165.000	55.000	1.182.500			
Tổng cộng:			82.500.000	339	77.326.923	6.600.000	1.237.500	825.000	8.662.500	14.457.500	2.475.000	825.000	17.177.500			

Người lập biểu  
Trần Phương Lan

Hà Nội, ngày 01 Tháng 01 Năm 2024  
LOTUSS FASHION VIỆT NAM  
KẾ TOÁN TRƯỞNG



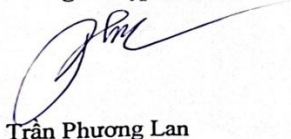
## Phụ lục 11: Bảng tổng hợp doanh số tháng 1/2024

Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam  
Số 38, ngách 01, ngõ 129 phố Đại Linh, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BẢNG TỔNG HỢP DOANH SỐ BÁN RA Tháng 01 năm 2024

TT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	DOANH SỐ BÁN RA	Mức thưởng doanh số
1	2	3	4	
<b>I. BAN GIÁM ĐỐC</b>			<b>656.036.330</b>	<b>6.560.363</b>
1	Nguyễn Tùng Lâm	GD	656.036.330	6.560.363
<b>II. PHÒNG KẾ TOÁN</b>			<b>11.380.000</b>	<b>113.800</b>
1	Nguyễn Thùy Linh	KTT		-
2	Trần Phương Lan	NV	5.780.000	57.800
3	Trần Thị Hoa	NV	5.600.000	56.000
4	Nguyễn Thị Hiền	TK		-
<b>III: BỘ PHẬN KHO</b>			<b>348.375.300</b>	<b>3.483.753</b>
1	Hoàng Gia Bảo	NV	112.663.300	1.126.633
2	Phạm Thị Linh	NV	125.456.000	1.254.560
3	Nguyễn Anh Quân	NV	110.256.000	1.102.560
<b>IV BỘ PHẬN KINH</b>			<b>2.918.245.983</b>	<b>29.182.460</b>
1	Nguyễn Văn Bắc	NV	546.896.600	5.468.966
2	Nguyễn Thị Hà	NV	664.699.363	6.646.994
3	Vũ Văn Đạt	NV	756.000.000	7.560.000
4	Nguyễn Thị Tuyền	NV	526.656.620	5.266.566
5	Đào Thị Quỳnh	NV	525.630.000	5.256.300
6	Nguyễn Văn Đạt	NV	445.260.000	4.452.600
<b>Tổng cộng:</b>			<b>3.934.037.613</b>	<b>39.340.376</b>

Người lập biểu



Trần Phương Lan

Hà Nội, ngày 01/31/2024 Tháng 01 Năm 2024



Nguyễn Tùng Lâm

## Phụ lục 12: Bảng chấm công

**Công ty TNHH Lotus Fashion Việt Nam**  
 Số 58, ngách 01, ngõ 129 phố Đại Linh, Phường Trưng Yên, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
**BẢNG CHẤM CÔNG**  
 Tháng 01 /2024

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Ngày																															Tổng cộng	
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31		
<b>I. BAN GIÁM ĐỐC</b>																																			
1	Nguyễn Tùng Lâm	GD	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
<b>II. PHÒNG KẾ TOÁN</b>																																			
1	Nguyễn Thủy Linh	KTT	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
2	Trần Phương Lan	NV	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
3	Trần Thị Hòa	NV	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
4	Nguyễn Thị Hiền	TK	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
<b>III. BỘ PHẬN KHO</b>																																			
1	Hoàng Gia Bảo	NV	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
2	Phạm Thị Linh	NV	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
3	Nguyễn Anh Quân	NV	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
<b>IV. BỘ PHẬN KINH DOANH</b>																																			
1	Nguyễn Văn Bắc	NV	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
2	Nguyễn Thị Hà	NV	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
3	Vũ Văn Đạt	NV	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
4	Nguyễn Thị Tuyền	NV	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
5	Đào Thị Quỳnh	NV	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
6	Nguyễn Văn Đạt	NV	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	

Người lập biên

Người Duyệt

Hà Nội, ngày 05/01/2024





Lan

## Phụ lục 13: Phiếu chi thanh toán tiền lương

CÔNG TY TNHH LOTUSS FASHION VIỆT NAM

Số 38, ngách 01, ngõ 129 Phố Đại Linh, Phường Trung Văn, Quận Nam  
Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số 02 - TT

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC  
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

### PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 01 năm 2024

Quyển số: \_\_\_\_\_

Số: PC00054

Nợ: 334

Có: 1111

Họ và tên người nhận tiền: Cán bộ nhân viên Công ty TNHH Lotuss Fashion Việt Nam

Địa chỉ: \_\_\_\_\_



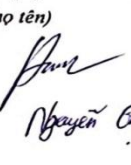
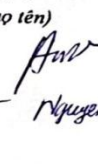
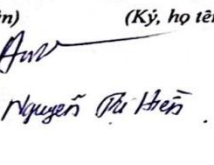
Lý do chi: Thanh toán tiền lương tháng 1

Số tiền: 147.741.076 VND

Viết bằng chữ: Một trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi một nghìn không trăm bảy mươi sáu đồng chẵn.

Kèm theo: ..... chứng từ gốc

Ngày 21 tháng 01 năm 2024

Giám đốc (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)
				

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Một trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi một nghìn không trăm bảy mươi sáu đồng chẵn.